

PHẬT GIÁO - KI TÔ GIÁO ĐỐI CHIẾU
QUA NHỮNG NHẬN ĐỊNH ĐIỂN HÌNH CỦA MỘT SỐ
DANH NHÂN TRÍ THỨC THẾ GIỚI

Trần Chung Ngọc



Ngày 25 tháng 10, 2008

Lời Nói Đầu

Đây là bản “đối chiếu” giữa thực chất của Phật Giáo và Ki Tô Giáo chứ không phải để “so sánh” vì về căn bản tín ngưỡng tôn giáo, chúng ta không có cách nào có thể so sánh Phật Giáo với Ki Tô Giáo được. Lý do rất đơn giản, vì Phật Giáo là tôn giáo của trí tuệ, mà trí tuệ thì không thể tách rời “Lý Trí” [Reason]. Đại Học Vạn Hạnh trước đây có “motto”: *‘Duy Tuệ Thị Nghiệp’*. Còn Ki Tô Giáo thì ai cũng biết đó là tôn giáo của “**Đức Tin**” [Faith]. Vậy thì trước hết chúng ta cần phải biết định nghĩa của Đức Tin và của Lý Trí.



Buddhism.2be.net

Theo H. L. Mencken thì “*Đức tin có thể định nghĩa ngắn gọn như là một niềm tin phi lý vào những gì không chắc chắn xảy ra* (Faith may be defined briefly as an illogical belief in the occurrence of the improbable.) Còn theo Tự Điển thì “*Đức Tin là sự tin chắc vào một cái gì đó mà không chứng minh được cái đó có thực*” [Faith is the firm belief in something for which there is no proof]

Trong tự điển có 2 định nghĩa của Lý Trí: “*khả năng có những tư tưởng hợp lý, suy lý hoặc phân biệt*” (The capacity of rational thought, inderence, or discrimination), và “*suy xét đúng, phán đoán hợp lý*” (Good judgment, sound sense).

Vì vậy, trong cuốn “*The Final Superstition*”, Joseph L. Dalaiden, một học giả Công Giáo, đã để nguyên một chương để thảo luận về “*Lý Trí đối với Đức Tin*” và đưa ra kết luận: “*Lý Trí đối với Đức Tin: con đường đi tới hiểu biết, con đường đi tới mê tín*” [Reason versus Faith: A Path to Knowledge, a Path to Superstition.] Như vậy, trước đây khi Giáo hoàng John Paul II gửi một thông tri cho các giám mục của ông ta về đề tài “*Mối quan hệ giữa đức tin và lý trí*” (The relationship between faith and reason) thì thật ra ông ta chỉ viết bậy. Nhưng dù ông ta có viết bậy thì đám con chiên của ông ta vẫn ca tụng “*đức thánh cha*” của họ như thường, vì đó là truyền thống “*quên mình trong vâng phục*”, tuyệt đối thi hành “*đức vâng lời*” cao quý nhất của Công giáo.

Nếu chúng ta không thể so sánh về căn bản tín ngưỡng của Phật Giáo và Ki Tô Giáo thì chúng ta có thể đối chiếu được một số phương diện nào của hai tôn giáo trên không? Một câu hỏi của một độc giả Giao Điểm đã giúp tôi giải quyết vấn đề.

Trong cuốn “*Đức Tin Công Giáo: Một Khảo Luận Trong Ánh Sáng Của Khoa Học Và Lý Trí*”, tôi đã sưu tầm và đưa ra những nhận định của 75 danh nhân, trí thức Âu Mỹ về God của Ki Tô Giáo và Ki Tô Giáo [Xin đọc: <http://sachhiem.net/TCN/TCNtg/TCN22.php>]. Có độc giả đặt vấn đề với tôi: “*Thế thì các danh nhân trí thức Âu Mỹ nghĩ gì về Đức Phật và Phật Giáo?*” Tôi nghĩ đây là một câu hỏi hay, cần thiết nghiên cứu để đối chiếu với những nhận định về Ki Tô Giáo, và có thể coi như là tiêu chuẩn để đối chiếu thực chất của hai tôn giáo.. Từ trước tới nay, tôi không nghĩ ra điều này, vì tôi không có ý định quảng cáo Phật Giáo nên tôi đã không quan tâm mấy xem các danh nhân trí thức Âu Mỹ nghĩ gì về Đức Phật và Phật Giáo, tuy tôi đã đọc khá nhiều sách của các tác giả Tây phương viết về Đức Phật và Phật

Giáo. Tại sao? Vì tôi tin rằng, hữu xạ tự nhiên hương, và tôi cũng tin rằng: “*đã là chánh Pháp thì dù không có ai theo cũng vẫn là chánh Pháp, và đã là tà pháp thì dù có cả tỉ người theo cũng vẫn là tà pháp.*” David Mills, trong cuốn “*Atheist Universe*”, có trích dẫn câu nói của Bertrand Russell, 2 giải Nobel: “*Nếu 50 triệu người tin vào một chuyện lờ phỉnh, thì chuyện đó vẫn là chuyện lờ phỉnh*” [If 50 million people believe a foolish thing, it is still a foolish thing] (Tuy nhiên, Jack Huberman, tác giả cuốn “*The Quotable Atheist*”, cho rằng câu nói này chính là của Anatole France, một đại văn hào Pháp, khi nói về các tín đồ Công giáo trong thời đại của ông ta, trong cuốn “*La Révolte des Anges*”. TCN).

Việt Nam có hai tôn giáo có nhiều tín đồ nhất là Phật Giáo và Công Giáo. Công Giáo chiếm, tối đa vào khoảng 7% dân số. Còn Phật Giáo thì chúng ta thực sự không biết rõ tỷ lệ là bao nhiêu, vì không phải chỉ có những người quy y Tam Bảo mới kể là theo Phật Giáo. Tôi có rất nhiều bà con thân thuộc và bạn bè rất ít khi hay chẳng bao giờ đi Chùa, và cũng chẳng quy y Tam Bảo, nhưng nhà nào cũng có tượng Phật, hay ảnh Phật, và kinh sách Phật v.v.. Ngay trong gia đình tôi, chỉ có mình tôi là đã quy y Tam Bảo, còn tiện nội cũng không quy y, nhưng cũng thường đi Chùa lễ Phật và đọc kinh sách Phật Giáo. Cho nên, tôi nghĩ người theo đạo Phật, dưới hình thức này hay hình thức khác, tất nhiên phải là tuyệt đại đa số. Lịch sử đã viết rằng: “*Thiên hạ Lý Trần bán vì Tăng*” [Trong những triều đại Lý, Trần một nửa dân thiên hạ sống như các vị Tăng Phật Giáo]. Còn tuyệt đại đa số người dân khi đó sống không ít thì nhiều đều có ảnh hưởng của Phật Giáo. Đây cũng là những triều đại mà xã hội hiền hòa nhất trong lịch sử Việt Nam

Vậy tôi nghĩ ngày nay người dân Việt Nam cũng nên biết rõ về bản chất của hai tôn giáo chính ở Việt Nam như trên. Đây là điều rất cần thiết trong thời đại ngày nay. Trong 14 Điều Phật Dạy thì điều thứ 13 nói rằng: “*Khiếm khuyết nhất của đời người là kém hiểu biết.*” Vì kém hiểu biết nên chúng ta thường đi lạc đường, tin vào những điều không thể tin được, đắm mình trong ma đạo, và từ đó đã có những hành động phi dân tộc, phản tổ quốc..

Muốn đối chiếu hai tôn giáo, chúng ta không thể lấy vài câu lạc lõng giống nhau trong kinh điển của mỗi tôn giáo để so sánh và cho là có sự tương đồng, mà phải nghiên cứu về mọi khía cạnh của mỗi tôn giáo, ít ra là về **Tư Cách Giáo Chủ, Giáo Lý, Lịch sử truyền đạo, Giáo Lý đã được áp dụng như thế nào, các tín đồ tôn giáo đó đã đóng góp được gì cho nhân loại v.v..** Đây là một công việc vừa có tính hàn lâm vừa rất trí thức mà giới học giả và trí thức Âu Mỹ đã làm từ mấy trăm năm nay rồi. Tuy nhiên rất có thể khi đưa ra những sự thực về tôn giáo, chúng ta có thể bị ngộ nhận, thậm chí có khi bị lên án sai lầm, là chống tôn giáo hay phê bình chỉ trích tôn giáo.

Thật vậy, có nhiều người đưa ra luận cứ là tôn giáo nào cũng dạy cho con người có đạo đức, làm lành tránh ác, bản chất đều giống nhau, do đó không nên phê bình chỉ trích tôn giáo. Điều này thường là luận điệu chống đỡ của những tôn giáo bị nhân loại phê bình, chỉ trích những khía cạnh tiêu cực của tôn giáo đó mà vô phương biện cãi bằng lý luận. Bertrand Russell cũng đã đưa ra nhận định: “*Người ta thường nói tấn công tôn*

giáo là điều rất sai lầm vì tôn giáo làm cho con người đạo đức. Người ta nói với tôi như vậy; (nhưng) tôi không nhận thấy như vậy..” [One is often told that it is a very wrong thing to attack religion, because religion makes men virtuous. So I am told; I have not noticed it..]. Thật vậy, luận cứ trên không đứng vững vì “dạy con người làm lành tránh ác” là sự phát triển của tri thức con người và chung cho dân gian chứ không chỉ nằm trong tôn giáo. Chẳng có cha mẹ nào, dù họ là người vô thần hay vô tôn giáo lại dạy con cái “làm ác tránh lành”. Đạo Khổng thực sự không phải là một tôn giáo, nhưng Đức Khổng Tử đã dạy con người một số những tiêu chuẩn đạo đức trong xã hội mà cả thế giới ngày nay đều tán thán. Mặt khác, Bertrand Russell nói như trên vì ông ta đã biết rõ lịch sử Công giáo dạy “làm lành tránh ác” như thế nào, hiển nhiên không phải là “*Ki Tô Giáo làm cho con người đạo đức.*” mà trái lại. Thật vậy, chúng ta không thể cứ nhắm mắt tin bừa vào những lời khoa trương trống rỗng như “Thiên Chúa lòng lành” mà phải tìm hiểu xem trong cuốn Kinh Thánh, Thiên Chúa đã “*lòng lành*” như thế nào? Cũng vậy, chúng ta không thể nào tin vào những lời tự khoa trương của giáo dân như “*sống đạo, tốt đời*” mà phải tìm hiểu xem trong giòng lịch sử, giáo dân đã “sống đạo, tốt đời” như thế nào. Tất cả những công cuộc tìm hiểu này đều nằm trong lãnh vực học thuật để mở mang đầu óc của người dân bình thường không có cơ hội và/hoặc khả năng tìm hiểu. Giúp cho họ hiểu biết đúng là một món quà vô giá mà chúng ta có thể tặng cho họ.

Tuy Phật Giáo có trước Ki Tô Giáo cả 5, 6 trăm năm, nhưng thế giới Tây Phương mới chỉ thật sự biết đến Phật Giáo từ vài thế kỷ nay. Cho nên chúng ta không hi vọng có những nhận định về Đức Phật và Phật Giáo trong suốt chiều dài lịch sử của Phật Giáo tương tự như Ki Tô Giáo. Năm 1994, Stephen Batchelor xuất bản cuốn *Sự Thức Tỉnh Của Tây Phương* (The Awakening of the West), nội dung viết về lịch sử tiếp xúc của Phật Giáo với Tây phương. Cuốn sách được giới thiệu như sau:

Từ thời đại đế Alexandre, các vua chúa và giáo hoàng Tây phương đã mong mỏi kiếm được quyền lực bằng cách chinh phục Á Châu. Qua nhiều thời kỳ họ đã phái từng đợt sứ giả và các nhà truyền giáo tới Á Châu để tiếp xúc với những người "ngoại đạo", nhưng tâm thức hẹp hòi của người Tây phương [về tôn giáo] đã làm cho những người này chẳng biết được bao nhiêu về Phật Giáo.

Ngày nay Phật Giáo được coi như là một tôn giáo phát triển nhanh nhất và là một trong những phong trào tâm linh có ảnh hưởng nhiều nhất ở Tây phương."

(Since the time of Alexander the Great, European kings and popes longed for the power to be gained through the conquest of Asia. They sent periodic streams of envoys and missionaries to establish contact with the "infidels," but the European's narrow-mindedness prevented them from learning much at all about Buddhism.

Buddhism is said to be the fastest growing religion and one of the most influential spiritual movements in the West.)

Vì thế, nếu chúng ta trích dẫn nhận định về Phật Giáo của những người thuộc các loại sứ giả và thừa sai trên thì chúng ta không thể nào có một hình ảnh đúng về Phật Giáo.

Mặt khác, nếu kể đến những nhận định về Đức Phật và Phật Giáo của những Tăng Ni trí thức Phật Giáo thì nhiều không đếm xuể và không tránh khỏi lời phê bình là đã trích dẫn theo thiên kiến. Vì vậy để công việc sưu tầm được vô tư, như về Ki Tô Giáo tôi chỉ đưa ra những nhận định của một số danh nhân trí thức Âu Mỹ, thì đối với Phật Giáo, tôi cũng chỉ đưa ra nhận định của một số danh nhân trí thức trên thế giới, phần lớn là Âu Mỹ, trong thời cận đại, vì lý do như trên đã nói, Tây phương mới biết đến Phật Giáo gần đây. Chúng ta nên để ý là nhận định về God và Ki Tô Giáo đều là của các bậc thức giả Âu Mỹ trong những xã hội Ki Tô chứ không phải của những người thuộc các tôn giáo khác trong đó có Phật Giáo.

Nay, sau một thời gian sưu tầm, tôi đã thêm vào phần nhận định về God [của Ki Tô Giáo] và Ki Tô Giáo một số tác giả khác, và đồng thời cũng xin trình bày thêm những nhận định của một số danh nhân trí thức Âu Mỹ về Phật Giáo, lẽ dĩ nhiên còn nhiều thiếu sót về cả hai phía. **Tôi cho rằng, đây là tiêu chuẩn có giá trị nhất để đối chiếu thực chất của hai tôn giáo: Ki Tô Giáo và Phật Giáo**, vì các bậc trí thức nổi danh trên thế giới thường có trình độ hiểu biết cao, làm việc trong tinh thần khoa học với đầu óc sáng suốt hơn quần chúng thông thường nhiều, và có địa vị trong xã hội cũng như trên thế giới mà họ phải trân trọng. Họ thường không đánh giá một tôn giáo qua vài câu lạc lõng trong Kinh điển của tôn giáo đó, mà qua, như trên đã nói: **Tư Cách Giáo Chủ, Giáo Lý, Lịch sử truyền đạo, Giáo Lý đã được áp dụng như thế nào, các tín đồ tôn giáo đó đã đóng góp được gì cho nhân loại v..v...** Xuyên qua một số nhận định điển hình này, chúng ta cũng có thể thấy rõ sự khác biệt giữa God [của Ki Tô Giáo] và Đức Phật, giữa Ki Tô Giáo và Phật Giáo. Khác biệt như thế nào. Xin mời quý độc giả hãy đọc những nhận định của một số danh nhân trí thức trên thế giới về God [của Ki Tô Giáo] và Ki Tô Giáo, cũng như về Đức Phật và Phật Giáo, và tự đánh giá lấy thực chất của mỗi tôn giáo. Trong số những danh nhân trí thức liệt kê, có một số đã đưa ra những nhận định về cả hai tôn giáo: Ki Tô Giáo và Phật Giáo. Để đối chiếu, tôi xin ghi lại những nhận định của họ về Ki Tô Giáo song song với những ghi nhận về Phật Giáo trong phần những nhận định về Phật Giáo.



Công cuộc sưu tầm này gồm 2 phần: **Phần I** là những nhận định của 100 danh nhân trí thức Âu Mỹ về God (của Công giáo, Tin Lành, Do Thái giáo, Hồi giáo, Anh giáo và Chính thống giáo) và Ki Tô Giáo (Công giáo và Tin Lành), và **Phần II** là nhận định của 100 danh nhân trí thức trên thế giới về Đức Phật và Phật Giáo. Như thông lệ, chỗ nào có thể được, tôi cũng xin chua thêm câu nguyên ngữ bằng tiếng nước ngoài để bạn đọc có thể trích dẫn trực tiếp.

Tôi hi vọng kết quả sưu tầm này được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, và nhất là các bậc lãnh đạo và trí thức trong Phật Giáo và Ki Tô Giáo cũng nên đọc để mà biết đến giá trị thực sự của tôn giáo mình. Tôi cũng hi vọng bản so sánh đối chiếu này sẽ được dán trên cánh cửa của mọi nhà thờ cũng như mọi Chùa trên đất nước Việt Nam.

PHẦN I

NHẬN ĐỊNH VỀ “GOD” VÀ KI-TÔ GIÁO CỦA MỘT TRĂM DANH NHÂN TRÍ THỨC ÂU MỸ

Victor Hugo: Một Địa Ngục Thông Minh Thì Tốt Hơn Là Một Thiên Đường Ngủ Xuẩn

[Victor Hugo: “An intelligent hell would be better than a stupid paradise.”]

Lloyd Graham: *Chúa Ki Tô cầu nguyện (Chúa Cha): 'Cha hãy tha thứ cho họ vì họ không biết là họ đang làm gì'... Nếu cái tên Ki Tô không biết gì về siêu hình học này (Giê-su) mà có chút kiến thức nào về luật nhân quả, thì lời cầu nguyện của hắn phải đọc ngược lại – 'Con người, hãy tha thứ cho Thượng đế, vì hắn không biết là hắn đã làm gì.' Tất cả cuộc sống đều chứng tỏ cái sự kiện thâm trầm này, cho nên vấn đề không phải là Thượng đế có tha thứ cho tội lỗi của con người hay không, mà là con người có thể tha thứ cho sự độc ác của Thượng đế hay không?*

(Christ prayed: "Father forgive them for they know not what they do."... Had this metaphysically ignorant Christ possessed any knowledge of Causation, his prayer would read in reverse – “Man, forgive God, for he knows not what he does.” All life attests this tragic fact, so the question is not, will God forgive man for his sins? but can man forgive God for his cruelty?)



Theo tự điển The American Heritage Dictionary của Mỹ thì định nghĩa của Tôn Giáo là: **“Niềm tin và sự kính ngưỡng vào một quyền năng siêu nhiên được biết như là một đấng sáng tạo và cai quản vũ trụ”** (Religion = Belief in and reverence for a supernatural power recongnized as the creator and governor of the universe). Trong những phần trích dẫn sau đây, danh từ "tôn giáo" chỉ những tôn giáo độc thần như Ki Tô Giáo, và danh từ "thần" (God) thường để chỉ vị "thần của người Do Thái trở thành thần của Ki Tô Giáo" mà người Ki Tô Giáo thường gọi là "Thượng đế" hay "Thiên Chúa". Những từ này không áp dụng cho Phật Giáo, Lão Giáo hay Khổng Giáo. Mặt khác, chúng ta cũng nên biết, God của Ki Tô Giáo chính là God của Do Thái Giáo trước khi Ki Tô Giáo ra đời, và cũng là God của Hồi Giáo, sau khi Ki Tô Giáo ra đời.

1. **Simonides** (556-468 TTL = Trước Thường Lịch), Thi sĩ Hi Lạp: * *Càng suy nghĩ về chủ đề Thiên Chúa, tôi càng thấy nó trở nên tối tăm.* (The more I consider the subject of God, the more obscure it becomes.)

2. **Empedocles** (495-435 TTL), Triết gia Hi Lạp: * *Không có Thiên Chúa nào làm ra thế giới, cũng chẳng có người nào làm ra; thế giới từ xưa vẫn luôn luôn như vậy.* (None of the gods has formed the world, nor has any man; it has always been.)

3. **Aristotle** (384-322 TTL), Triết Gia Hi Lạp: * *Con người tạo ra Thiên Chúa theo hình ảnh của chính con người, không chỉ theo hình dạng của con người mà còn theo lối sống của con người.* (Men creates gods after their own image, not only with regard to their form but with regard to their mode of life.)

4. **Demosthenes** (384-322 TTL), Nhà hùng biện thành Athenes: * *Chúng ta tin bất cứ cái gì chúng ta muốn tin.* (We believe whatever we want to believe.)

5. **Epicurus** (341-270 TTL), Triết Gia Hi Lạp: * *Hoặc Thiên Chúa muốn hủy bỏ sự ác, và không thể; Hoặc Thiên Chúa có thể hủy bỏ nhưng không muốn.. Nếu Thiên Chúa muốn, nhưng không thể làm được, Thiên Chúa bất lực. Nếu Thiên Chúa có thể, nhưng không muốn, Thiên Chúa thật là xấu xa.. Nếu Thiên Chúa không thể và cũng không muốn, Thiên Chúa vừa bất lực vừa xấu xa. Nhưng nếu (như họ thường nói) Thiên Chúa có thể hủy bỏ sự ác và Thiên Chúa thật sự muốn như vậy, Tại sao trên cõi đời này lại có sự ác?* (Either god wants to abolish evil, and cannot; Or he can, but does not want to; If he wants to, but cannot, he is impotent. If he can, but does not want to, he is wicked.. If he neither can, nor wants to, He is both powerless and wicked. But if (as they say) god can abolish evil, And god really wants to do it, Why is there evil in the world?)

6. **Lucretius** (99-55 TTL), Triết Gia La Mã: * *Mọi tôn giáo đều tuyệt vời đối với người dốt nát, có ích đối với chính trị gia, và lố bịch đối với triết gia.* (All religions are equally sublime to the ignorant, useful to the politician, and ridiculous to the philosopher.)

7. **Statius** (~45-96 TL = Thường Lịch), Thi sĩ La Mã: * *Chính là sự sợ hãi trong thế giới đã tạo ra các Thiên Chúa.* (It was fear in the world that created the gods.)

8. **Tacitus** (55-120 TL), Sử gia La Mã: * *Ki Tô Giáo là một sự mê tín có tính truyền nhiễm.* (Như bệnh dịch hạch. TCN) (Christianity is a pestolent superstition.)

9. **Michel de Montaigne** (1533-1592), Văn sĩ Pháp: * *Không có gì được tin chắc bằng những điều mà chúng ta biết ít nhất.* (Nothing is so firmly believed as what we least know); * *Những người có trình độ hiểu biết đơn giản, ít đầu óc tìm tòi và ít học vẫn là những tín đồ Ki Tô tốt* (Men with simple understanding, little inquisitive and little instructed make good Christians.)

10. **Sir Francis Bacon** (1561-1626), Khoa học gia và triết gia Anh: * *Người tin thuyết Chúa Ba Ngôi tin rằng một trinh nữ chính là mẹ của một đứa con đã tạo ra bà ta.* (The trinitarian believes a virgin to be the mother of a son who is her maker.)

11. **Ferdinand Magellan** (1480-1521), Nhà hàng hải Bồ Đào Nha: * *Giáo hội bảo rằng trái đất thì phẳng dẹt, nhưng tôi biết rằng nó hình cầu, vì tôi đã nhìn thấy bóng nó trên mặt trăng, và tôi tin vào một cái bóng hơn là tin vào giáo hội.* (The church says the earth is flat, but I know that it is round, for I have seen the shadow on the moon, and I have more faith in a shadow than in the church)

12. **Thomas Hobbes** (1588-1679), Tư tưởng Gia Anh: * *Thần học là vương quốc của sự tối tăm* (Theology is the kingdom of darkness); * *Tôn giáo giống như những viên thuốc mà người ta phải nuốt chửng cả viên.* (Religions are like pills, which must be swallowed whole without chewing).

13. **Baron de Montesquieu** (1689-1755), Viện sĩ Hàn Lâm Viện Pháp: * *Không có vương quốc nào phải chịu đựng nhiều nội chiến như là vương quốc của Chúa Ki-Tô* (No kingdom has ever suffered as many civil wars as the kingdom of Christ); * *Nếu các hình tam giác mà tạo ra một Thiên Chúa thì chúng sẽ làm cho ông ta có ba cạnh* (If triangles made a god, they would give him three sides); * *Lịch sử có đầy những cuộc chiến tranh tôn giáo; nhưng, chúng ta phải nhận xét cẩn thận, không phải vì có nhiều tôn giáo mà có nhiều chiến tranh, mà vì tinh thần không khoan nhượng trong một tôn giáo (Công giáo) nghĩ rằng mình có quyền thống trị* (History is full of religious wars; but, we must take care to observe, it was not the multiplicity of religions that produce these wars, it was the intolerating spirit which animated that one which thought she had the power of governing).

14. **Voltaire** (1694-1778), Văn hào, Triết gia .. Pháp: * *Ki-Tô giáo là tôn giáo lố bịch nhất, vô lý nhất và đẫm máu nhất làm nhiễm độc thế giới.* (Christianity is the most ridiculous, the most absurd and bloody religion that has ever infected the world); * *Trong 1700 năm, Ki Tô giáo không làm gì khác ngoài việc gây hại cho nhân loại* (For 1700 years, the Christian sect has done nothing but harm); * *Những tín đồ Ki-Tô là những người bất khoan dung nhất* (Christians have been the most intolerant of all men); * *Hãy nghiền nát cái đồ ô nhục- Ki Tô Giáo* (Écrasez l'infâme! [crush the infamous thing - Christianity]); * *Vô thần là thói xấu của một số nhỏ những người thông minh* (Atheism is the vice of a few intelligent people); * *Thần Ki-Tô luôn luôn ở phía những tiểu đoàn mạnh nhất* (God is always on the side of the heaviest battalions); * *Tai họa giáng vào thế giới qua tội lỗi của Adam. Nếu cái tên ngu đần ấy không phạm tội, chúng ta đã có thể không bị làm khổ bởi bệnh đậu mùa, bệnh ghẻ, hoặc môn thần học, hoặc đức tin duy nhất có thể cứu rỗi chúng ta* (Evil came into the world through the sin of Adam. If that idiot had not sinned, we should not have been afflicted with the smallpox, nor the itch, nor theology, nor the faith which

alone can save us.); * *Lời của Thần Ki Tô là lời của các linh mục; sự vinh quang của Thần Ki Tô là sự hãnh diện của các linh mục; ý của Thần Ki Tô là ý của các linh mục; xúc phạm Thiên Chúa là xúc phạm các linh mục; tin vào Thiên Chúa là tin vào mọi điều linh mục nói* (The word of God is the word of the priests; the glory of god is the pride of the priests; the will of god is the will of the priests; to offend god is to offend the priests; to believe in god is to believe in all that the priests tell us.)

15. **David Hume** (1711-1776), Triết gia Tô Cách Lan: * *Những tín đồ Ca-Tô là một hệ phái trí thức? Trong mọi tôn giáo, tôn giáo vô lý và vô nghĩa nhất là tôn giáo mà trong đó những người hiến thân cho Chúa ăn thịt Chúa mình sau khi đã tạo ra ông ấy* (The Roman Catholics are a very learned sect?.. Of all religions, the most absurd and nonsensical is that whose votaries (người hiến thân cho Chúa) eat, after having created, their deity).

16. **Denis Diderot** (1713-1784), Khoa học Gia Pháp: * *Ki-Tô giáo dạy chúng ta phỏng theo một vị Thần độc ác, ngấm ngầm, ghen tuông, và không thể nguôi trong những cơn phẫn nộ của ông ta* (The Christian religion teaches us to imitate a God that is cruel, insidious, jealous, and implacable in his wrath); * *Sự cuồng tín chỉ cách sự man rợ có một bước* (Fanaticism is just one step away from barbarism); * *Hãy xét cái hình ảnh mà người ta vẽ cho chúng ta về Đấng Tối Cao, người có đầu óc ngay thẳng nhất phải ước rằng hẳn ta đừng có hiện hữu* (Considering the picture that is drawn for us of the Supreme Being, the most righteous soul must be tempted to wish that he did not exist).

17. **Edward Gibbon** (1737-1794), Sử gia Anh: * *Đối với cái nhìn triết lý, những thói xấu của giới giáo sĩ thì ít nguy hại hơn những đức tính của họ rất nhiều* (To a philosophic eye, the vices of the clergy are far less dangerous than their virtues.); * *Những tội nghiêm trọng nhất đã bị dẹp bỏ, Người đại diện của Chúa Ki Tô (Giáo hoàng John XXIII, 1414) chỉ bị kết tội là ăn cướp, sát nhân, hãm hiếp, giao hợp đồng giống, và loạn luân* (The most serious charges were suppressed; the Vicar of Christ (Pope John XXIII, 1414) was accused only of piracy, murder, rape, sodomy, and incest.)

18. **Pierre Bayle** (1647-1706), Triết gia Pháp: * *Về những vấn đề tôn giáo, rất dễ lừa dối một người, nhưng rất khó mà giải hoặc hẳn* (In matters of religion, it is very easy to deceive a man, and very hard to undeceive him); * *Không có quốc gia nào hiếu chiến như là những quốc gia theo Ki Tô Giáo* (No nations are more warlike than those which profess Christianity)

19. **Samuel Butler** (1612-1680), Thi sĩ Anh: * *Chúa Ki-Tô chỉ bị đóng đinh trên thập giá một lần, và trong vài tiếng đồng hồ. Hãy nghĩ tới hàng ngàn người bị hẳn đóng đinh trên thập giá một cách thâm lặng từ khi đó* (Christ was only crucified

once, and for a few hours. Think of thousands he has been crucifying in a quiet way ever since).

20. **Daniel Defoe** (1660-1731), Tiểu thuyết gia Anh: * *Trong tất cả những tai họa mà nhân loại phải chịu đựng, sự độc đoán của giới giáo sĩ là tệ hại nhất* (Of all the plagues with which mankind are cursed, Ecclesiastic tyranny's the worst.)

21. **Frederik the Great** (1712-1786), Vua nước Phổ: * *Mọi nhà thần học đều giống nhau.. Mục đích của họ luôn luôn là đặt bạo quyền trên tâm thức con người. Do đó, họ khùng bố mọi người chúng ta đã dám táo bạo phanh phui sự thật* (Theologians are all alike .. Their aim is always to wield despotic authority over men's consciences. They therefore persecute all of us who have the temerity to unveil the truth.)

22. **Hugo Grotius** (1583-1645), Học giả Hòa Lan: * *Người nào đọc lịch sử giới giáo sĩ không đọc gì khác ngoài sự gian xảo và điên rồ của các giám mục và linh mục.* (He who reads ecclesiastical history reads nothing but the roguery and folly of bishops and churhmen.)

23. **Claude Adrien Helvétius** (1715-1771), Triết gia Pháp: * *Một người tin rằng hấn ăn thịt Chúa của hấn, chúng ta không bảo là hấn điên; một người nói rằng hấn là Chúa Giê-su Ki Tô, chúng ta bảo rằng hấn điên,.* (A man who believes that he eats his God we do not call mad; a man who says he is Jesus Christ, we call mad.)

24. **Baron d'Holbach** (1723-1789), Triết gia Pháp: * *Nếu sự không hiểu thiên nhiên đã sinh ra những thần, thì sự hiểu biết về thiên nhiên sẽ đi đến chỗ dẹp bỏ những thần này.* (If the ignorance of nature gave birth to the gods, knowledge of nature is destined to destroy them.)

25. **Benjamin Franklin** (1706-1790), Khoa học gia Mỹ: * *Cách nhìn mọi sự việc bằng đức tin là nhắm con mắt của lý trí.* (The way to see by faith is to shut the eye of reason).

26. **Immanuel Kant** (1724-1804), Triết gia Đức: * *Cái chết của tín lý là sự ra đời của đạo đức; Lý trí không bao giờ có thể chứng minh sự hiện hữu của Thần KiTô* (The death of dogma is the birth of morality; Reason can never prove the existence of God.)

27. **John Milton** (1608-1674), Thi sĩ Anh: * *Đạo Ca-Tô Rô-Ma có ít tính chất tôn giáo hơn là sự chuyên chế của giới linh mục, những người trang bị với những bổng lộc của quyền lực dân sự, với chiêu bài tôn giáo, đã chiếm lấy quyền của Chúa* (Romanism is less a religion than a priestly tyranny armed with the spoils of civil power which, on the pretext of religion, it hath seized against the command of Chist himself.)

28. **Lady Mary Wortley Montagu** (1689-1762), Văn sĩ Anh: * *Trên khắp thế giới, các linh mục có thể nói láo, và các tín đồ tin,* (Priests can lie, and the mob believe, all over the world).

29. **Thomas Paine** (1737-1809), triết gia Anh, tác giả cuốn sách nổi tiếng *Thời Đại Của Lý Trí*: * *Cuốn Tân Ước dạy chúng ta những gì? Tin rằng Đấng Toàn Năng phạm tội lãng nhãng với một người đàn bà đã có chồng; và tin vào cái chuyện lãng nhãng này gọi là đức tin.* (What is the New Testament teaches us? To believe that the Almighty committed debauchery with a woman engaged to be married; and the belief of this debauchery is called faith; * *Nguồn gốc của sự xấu xa nhất, của những sự độc ác khủng khiếp nhất, và những sự khổ sở to lớn nhất giáng lên đầu nhân loại là ở trong cái gọi là mạc khải, hay tôn giáo mạc khải* (The most detestable wickedness, the most horrid cruelties, and the greatest miseries that have afflicted the human race have had their origin in this thing called revelation, or revealed religion); * *Tin vào một Thiên Chúa độc ác làm cho con người thành độc ác* (Belief in a cruel god makes a cruel man.); * *Một thầy giáo giỏi có ích hơn là 100 linh mục* (One good school master is of more use than a hundred priests.)

30. **Ethan Allen** (1738-1789), Nhà cách mạng Mỹ: * *Giáo lý Chúa Ba Ngôi là vô căn cứ, và có khuynh hướng đưa đến mê tín và thờ hình tượng* (The doctrine of the Trinity is destitute of foundation, and tend manifestly to superstition and idolatry.) * *“Trong những nơi ở thế giới mà sự hiểu biết và khoa học đã thắng thế, thì không còn phép lạ nữa; nhưng ở những nơi còn man rợ và ngu dốt, phép lạ vẫn còn thịnh hành.”* (In those parts of the world where learning and science have prevailed, miracles have ceased; but in those parts of it as are barbarous and ignorant, miracles are still vogue.)

31. **Thomas Jefferson** (1743-1826), Tổng Thống Mỹ: * *Trong mọi quốc gia và trong mọi thời đại, linh mục đều đã thù nghịch đối với tự do.* (In every country and in every age, the priest has been hostile to liberty). * *Thần Ki-Tô là một nhân vật có những tính cực kỳ độc ác, bất khoan dung, đồng bóng, và bất công.* (The God is a being of terrific character - cruel, vindictive, capricious, and unjust); * *Đã tới 50, 60 năm từ ngày tôi đọc cuốn Khải Huyền, và từ đó tôi coi nó chỉ là những lời điên dại mê sảng của một kẻ cuồng điên* (It has been 50 and 60 years since I read the Apocalypse, and I then considered it merely the ravings of a maniac).

32. **James Madison** (1751-1836), Tổng Thống Mỹ: * *Trong gần 15 thế kỷ, cơ sở hợp pháp của Ki Tô giáo đã được phán xét. Hoa trái của Ki Tô giáo là gì? Ở khắp nơi, không nhiều thì ít, sự lười biếng và hãnh diện của giới giáo sĩ, sự ngu tối và quy lụy của giới tín đồ, sự mê tín, cố chấp và bạo hành trong cả hai giới* (During almost 15 centuries has the legal establishment of Christianity been on trial.

What has been its fruits? More or less in all places, pride and indolence in the clergy; ignorance and servility in the laity; in both, superstition, bigotry, and persecution.)

33. **Napoleon Bonaparte** (1769-1821), Hoàng đế Pháp: * *Hiệp hội Giêsu là hội nguy hiểm nhất, và đã gây nên nhiều tổn hại hơn tất cả những hội tôn giáo khác* (The Society of Jesus is the most dangerous of orders, and has done more mischief than all the others); * *Kiến thức và lịch sử là những kẻ thù của tôn giáo* (Knowledge and history are the enemies of religion); * *Ở mọi nơi và mọi thời, linh mục đã đưa vào sự gian dối và sai lầm* (Priests have everywhen and everywhere introduced fraud and falsehood)

34. **Arthur Schopenhauer** (1788-1860), Triết gia Đức: * *Bạn có thể ghi nhận là đức tin và kiến thức thì liên hệ với nhau như là hai cán cân; khi cán cân bên này lên thì cán cân kia xuống* (You may observe that faith and knowledge are related as the scales of a balance; when the one goes up, the other goes down); * *Những hoa trái của Ki Tô giáo là chiến tranh tôn giáo, những cuộc tàn sát, những cuộc chiến tranh thập giá, những tòa án xử dị giáo, sự tiêu diệt các thổ dân Mỹ, và đưa những nô lệ Phi Châu vào thay thế* (The fruits of Christianity were religious wars, butcheries, crusades, inquisitions, extermination of the natives in America, and the introduction of African slaves in their place); * *Ca-Tô giáo là tôn giáo lên thiên đường bằng cách cầu xin, vì nó quá phiền toái để tự mình đạt được. Linh mục là những kẻ buôn bán thiên đường* (The Catholic religion is an order to obtain heaven by begging, because it would be too troublesome to earn it. The priest are the brokers for it); * *Mọi tín lý, bất kể là vô lý tới đâu, khi cấy vào con người từ nhỏ, chắc chắn là ở trong đó suốt đời* (Any dogma, no matter how extravagantly absurd, inculcated in childhood, is sure to retain its hold for life.)

35. **Percy Bysshe Shelley** (1792-1822), Thi sĩ Anh: * *Ki Tô giáo thật sự cũng phạm phải nhiều điều độc ác như Do Thái giáo, và còn hơn Do Thái giáo về mức tan hoang mà nó gây nên. 11 triệu người, đàn ông, đàn bà, và trẻ con bị giết trong những chiến tranh, bị sát hại trong khi đang ngủ, thiêu sống trong những ngày hội hè công cộng, đầu độc, tra tấn, ám sát, và cướp bóc trong tinh thần của Tôn Giáo hòa bình, và cho sự vinh quang của vị Thần nhân từ nhất. Cái tên của Thần Ki Tô đã làm hàng rào Thánh bao quanh mọi tội ác* (Christianity indeed has equaled Judaism in atrocities, and exceeded it in the extent of its desolation. 11 million of men, women, and children have been killed in battle, butchered in their sleep, burned to death at public festivals of sacrifice, poisoned, tortured, assassinated, and pillaged in the spirit of the Religion of Peace, and for the glory of the most merciful God; The name of God has fenced about all crime with holiness.) * *Ki Tô giáo chất đầy trái đất với quỷ, hỏa ngục với con người, và thiên đường với những nô lệ* (Christianity peoples earth with demons, hell with men, and heaven with slaves.)

36. **John Stuart Mill** (1806-1873), Triết gia Anh: * *Giáo hội bất khoan dung nhất trong mọi giáo hội: giáo hội Ca-Tô Rô-ma* (The most intolerant of churches, the Roman Catholic Church.)

37. **Abraham Lincoln** (1809-1865), Tổng Thống Mỹ: * *Cả hai (Ca Tô và Tin Lành) đều đọc cùng một cuốn thánh kinh, cầu nguyện cùng một Thiên Chúa, và người này viện đến sự giúp đỡ của Thiên Chúa để chống người kia* (Both read the same Bible, and pray to the same God; and each invokes His aid against the other.)

38. **Charles Darwin** (1809-1882), Khoa học gia Anh, nhà lập thuyết Tiến Hóa: * *Khoa học và chúa KiTô chẳng có liên hệ gì với nhau. Tôi không tin đã có một sự mạc khải nào* (Science and Christ have nothing to do with each other. I do not believe that any revelation has ever been made).

39. **Charles Dickens** (1812-1870), Văn hào Anh: * *Tôi tin rằng sự phổ biến đạo Ca-Tô là phương cách khủng khiếp nhất của sự thoái hóa chính trị và xã hội còn sót lại trên thế giới. Những nhà truyền giáo là những kẻ quấy rầy hạng nhất, và làm cho mọi nơi mà họ tới trở thành tệ hơn* (I believe the dissemination of Catholicity to be the most horrible means of political and social degradation left in the world. Missionaries are perfect nuisances, and leave every place worse than they found it.)

40. **Thomas Henry Huxley** (1825-1895), Khoa học gia Anh: * *Tín điều về sự không thể sai lầm của Thánh kinh cũng chẳng hiển nhiên hơn tín điều về không sự sai lầm của các giáo hoàng* (The dogma of infallibility of the Bible is no more self-evident than is that of the infallibility of the popes.) * *Từ một nô lệ của chế độ giáo hoàng [người Công giáo], người trí thức đã trở thành nông nô của Thánh kinh* (người Tin lành) From being a slave of the papacy, the intellect was to become the serf of the Bible.) * *Hệ thống giáo sĩ là kẻ thù sống chết của khoa học. Thuyết tiến hóa loại bỏ thuyết sáng tạo và mọi sự can thiệp của Thần Ki Tô* (The ecclesiastical system is the deadly enemy of science. Evolution excludes creation and all other kinds of supernatural interventions.) * *Hoài nghi là bổn phận cao nhất và đức tin mù quáng là tội không thể tha thứ được* (Skepticism is the highest duty and blind faith the one unpardonable sin.)

41. **Leo Tolstoy** (1828-1910) văn hào Nga: * *Tôi tin chắc rằng giáo lý của giáo hội (Ca-Tô) là một sự nói láo xảo quyết và xấu xa theo lý thuyết, và là sự pha trộn của sự mê tín thô thiển nhất và trò ma thuật về phương diện thực hành* (I am convinced that the teaching of the church is in theory a crafty and evil lie, and in practice a concoction of gross superstition and witchcraft.) * *Đúng vậy, tôi không chấp nhận một thuyết không hiểu được là thuyết Ba Ngôi, và huyền thoại về sự sa ngã của con người, vì chúng vô lý trong thời đại của chúng ta.* (It is true, I deny an incomprehensible Trinity, and the fable regarding the fall of man, which is absurd in our day.) * *Đúng vậy, tôi không chấp nhận cái chuyện có tính cách xúc phạm về một*

Thiên Chúa sinh ra từ một trinh nữ để chuộc tội cho nhân loại (It is true, I deny the sacrilegious story of a God born of a virgin to redeem the race.)

42. Robert G. Ingersoll (1833-1899), Học giả Mỹ: * *Tôi muốn gì cho ngày giáng sinh? Tôi bắt giáo hoàng phải vứt đi cái mũ ba tầng của ông ta, cởi bỏ bộ quần áo thiêng liêng của ông ta, và thừa nhận rằng ông ta không hành động cho Thần Ki Tô - không phải là không thể sai lầm - mà chỉ là một người Ý thông thường. Tôi bắt tất cả những hồng y, tổng giám mục, giám mục, linh mục thừa nhận rằng họ chẳng biết gì về thần học, về thiên đường hay hỏa ngục, về số phận tương lai của nhân loại, về quỷ hay hồn ma, về các thần hay thiên thần. Tôi muốn toàn thế giới không còn bất công, không còn mê tín (What I want for Christmas? I would have the pope throw away his tiara, take off his sacred vestments, and admit that he is not acting for god - is not infallible - but is just an ordinary Italian. I would have all the cardinals, archbishops, bishops, priests admit that they know nothing about theology, nothing about hell or heaven, nothing about the destiny of the human race, nothing about devils and ghosts, gods or angels. I would like to see the whole world free - free from injustice - free from superstition).* * *Một thầy giáo giỏi có giá trị hơn 1000 linh mục (One good schoolmaster is worth a thousand priests.)* * *Trong nhiều thế kỷ, cây thập giá và lưỡi gươm là đồng minh của nhau. Cùng với nhau, chúng tấn công nhân quyền. Chúng chống đỡ cho nhau (For many centuries, the sword and the cross were allies. Together they attacked the rights of man. They defended each other.)* * *Nếu Ki Tô giáo chỉ ngu dốt và phản khoa học, nếu Thần của Ki Tô giáo chỉ dốt nát và có lòng tốt, nếu Ki Tô giáo hứa hẹn cho các tín đồ một sự hi vọng vĩnh hằng, và nếu các tín đồ thực hành hạnh tha thứ mà Ki Tô Giáo răn dạy, thì tôi là người chẳng đung gì đến tín ngưỡng của họ. Nhưng Ki Tô giáo còn có một mặt khác. Tôn giáo này không chỉ ngu dốt mà còn lắt léo, không chỉ phản khoa học mà còn vô nhân tính. Thần của tôn giáo này không chỉ dốt nát mà còn ác độc. Tôn giáo này không chỉ hứa hẹn cho tín đồ một phần thưởng vĩnh hằng mà còn khẳng định rằng hầu hết mọi người (tín đồ hay không. TCN) đều bị giam cầm trong những tòa hình ngục của Thần và sẽ bị vĩnh viễn đau đớn. Đó là sự man rợ của Ki Tô Giáo. (If Christianity were only stupid and unscientific, if its god were ignorant and kind, if it promised eternal joy to believers, and if the believers practiced the forgiveness they teach, for one I should let the faith alone. But there is another side to Christianity. It is not only stupid, but malicious. It is not only unscientific, but it is heartless. Its god is not only ignorant, but infinitely cruel. It not only promises the faithful an eternal reward, but declares that nearly all of the children of men, imprisoned in the dungeons of god will suffer eternal pain. This is the savagery of Christianity.)*

43. Mark Twain (1835-1910), Văn hào Mỹ: * *Đức tin là tin vào cái mà chúng ta biết nó không như vậy (Faith is believing what you know ain't so).* * *Không phải là những phần trong thánh kinh mà tôi không hiểu làm tôi bực mình, mà là những*

phần mà tôi hiểu(It ain't those parts of the Bible that I can't understand that bother me, it is the parts that I do understand.)

44. **John Burroughs** (1837-1921), Văn hào Mỹ: * *Khoa học đã đóng góp cho sự phát triển của nền văn minh Tây phương trong 100 năm nhiều hơn là sự đóng góp của Ki Tô Giáo trong 1800 năm.* (Science has done more for the development of Western civilization in 100 years than Christianity in 1800 years.) * *Nền văn minh của chúng ta không được xây dựng trên Ki Tô Giáo mà là trên lý trí và khoa học* (Our civilization is not founded upon Christianity; it is founded upon reason and science.) * *Những người hoài nghi và những người không tin (God của Ki Tô giáo) không bao giờ có thể giết nhau như những tín đồ Ki Tô đã giết nhau*(Skeptics and disbelievers could never slaughter each other as the Christians have.)

45. **Friedrich Nietzsche** (1844-1900), Triết gia Đức: * *Thiên Chúa đã chết* (Có đâu để mà chết? TCN) God is dead. * *Chúng ta không nên đi đến nhà thờ nếu chúng ta muốn hít thở không khí trong lành* (One should not go to church if one wants to breathe pure air.) * *Điều nào đúng: con người là một trong những sai lầm của God, hay God là một trong những sai lầm của con người.* (Which is it: is man one of God's blunders, or is God one of man's blunders?)

46. **Pierre Laplace** (1749-1827), Khoa học gia Pháp: * *Kính thiên văn đã quét hết vòm trời mà không thấy Thiên Chúa ở đâu.* (The telescope sweeps the skies without finding god.)

47. **Sir James Paget** (1814-1899), Y sĩ Anh: * *Nơi công cộng cũng như trong tư gia, tôi không biết một cuốn sách nào mà lại là nguồn gốc của cách xử sự hung ác và tàn bạo như là cuốn thánh kinh* (I know of no book which has been a source of brutality and sadistic conduct, both public and private, that can compare with the Bible.)

48. **Thomas Carlyle** (1795-1881), Văn hào Anh: * *Thiên Chúa chẳng làm gì cả. Một người có giáo dục, lương thiện, không thể nào còn tin vào Ki-Tô giáo của lịch sử.* (God does nothing. It is not possible that educated, honest men can even profess much longer to belief in historical Christianity.)

49. **Alexandre Dumas** (1802-1870), Văn hào Pháp: * *Trong khi Tín đồ Ca-Tô và Tín Lành thiêu sống và giết lẫn nhau, (nhưng họ lại) có thể cộng tác để nô lệ hóa những người anh em da đen của họ* (Catholics and Protestants, while engaging in burning and murdering each other, could cooperate in enslaving their black brethren.)

50. **Oliver Wendell Holmes, Sr.** (1809-1894), Học giả Mỹ: * *Người mà luôn luôn lo lắng rằng linh hồn mình sẽ bị đày đọa thường là có một linh hồn vô dụng* (The man who is always worrying about whether or not his souls would be damned generally has a soul that isn't worth a damn.) * *Sự thật là cả hệ thống tín ngưỡng dựa trên chuyện sa ngã của con người đó đã dần biến mất đi trong đầu óc hiểu biết của con*

người đã được khai sáng. (The truth is that the whole system of beliefs which comes in with the story of the fall of man is gently falling out of enlightened human intelligence.)

51. **Victor Hugo** (1802-1885), Văn hào Pháp: * *Khi anh bảo tôi rằng Thiên Chúa của anh đã tạo ra anh theo hình ảnh của ông ấy, tôi trả lời rằng hẳn ta phải thật là xấu xa* (When you tell me that your deity made you in his own image, I reply that he must have been very ugly.) * *Trong mỗi làng đều có một ngọn đuốc soi sáng: người thầy giáo - và một kẻ làm tắt bó đuốc đó: ông linh mục xứ* (There is in every village a torch: the schoolmaster - and an extinguisher: the parson.) .

52. **Émile Zola** (1840-1902), Văn hào Pháp: * *Nền văn minh sẽ không đi đến tột đỉnh cho đến khi phiến đá cuối cùng từ cái nhà thờ cuối cùng rơi đè lên ông linh mục cuối cùng* (Civilization will not attain to its perfection until the last stone from the last church falls on the last priest.) * *Phải chăng khoa học đã thoái lui? Không phải! Chính Ca-Tô giáo đã luôn luôn phải thoái lui trước khoa học, và sẽ còn bị bắt buộc phải thoái lui* (Has science ever retreated? No! It is Catholicism which has always retreated before her, and will always be forced to retreat.)

53. **Mikhail A. Bakunin** (1814-1876), Văn hào Nga: * *Ki Tô giáo là sự từ bỏ hoàn toàn lẽ thường và lý trí* (Christianity is the complete negation of common sense and sound reason.) * *Thần học là khoa học về sự nói láo của thần thánh* (Theology is the science of the divine lie.)

54. **Ludwig Feuerbach** (1804-1872), Triết gia Đức: * *Bất cứ khi nào mà đạo đức được đặt căn bản trên thần học, quyền của con người tùy thuộc vào thần quyền, thì những sự vô đạo đức, bất công, ô nhục nhất có thể được biện minh và thiết lập* (Whenever morality is based on theology, whenever right is made dependent on divine authority, the most immoral, unjust, infamous things can be justified and established.)

55. **William E. H. Lecky** (1838-1903), Sử gia Anh: * *Hầu hết Âu châu, trong nhiều thế kỷ, đã bị ngập máu, máu đổ do sự chủ mưu trực tiếp hoặc với sự hoàn toàn chấp thuận của những người có quyền trong giới giáo sĩ* (Almost all Europe, for many centuries, was inundated with blood, which was shed at the direct instigation or with the full approval of the ecclesiastical authorities). * *Bất cứ khi nào mà giới giáo sĩ, Ca-Tô hay Tin Lành, đứng cạnh thế quyền dân sự, thì kết quả là sự bạo hành* (Whenever the clergy were at the elbow of the civil arm, no matter whether they were Catholic or Protestant, persecution is the result.)

56. **August Bebel** (1840-1913), Nhà xã hội Đức: * *Ki Tô giáo là kẻ thù của tự do và văn minh. Nó buộc nhân loại trong xiềng xích.* (Christianity is the enemy of liberty and of civilization. It has kept mankind in chains.)

57. **Giuseppe Garibaldi** (1807-1882), Nhà lãnh đạo Ý (Người đã tiến quân và thu hẹp lãnh thổ của Ca-Tô, chỉ còn lại Vatican ngày nay): * *Vatican là con dao găm đâm vào tim nước Ý.* (The Vatican is a dagger in the heart of Italy.) * *Linh mục là hiện thân của sự sai lầm*(The priest is the personification of falsehood.) * *Giáo hội Ca-Tô là nàng hầu của sự chuyên chế và là kẻ thù trung kiên của tự do*(The Catholic Church is the handmaid of tyranny and the steady enemy of liberty.)

58. **Elbert Hubbard** (1856-1915), Văn hào Mỹ: * *Thiên đường: Chỗ giải trí-nghỉ dưỡng trong trí tưởng tượng của người Ki-tô.*(Heaven: The Coney Island of the Christian imagination.) * *Thần Ki Tô: John Doe (1 tên đặt cho một nhân vật mà không ai biết là ai) của triết lý và tôn giáo* (God: The John Doe of philisophy and religion.) * *Thần học là một sự toan tính giải thích một chủ đề bởi những người không hiểu chủ đề đó* (Theology is an attempt to explain a subject by men who do not understand it).

59. **Sigmund Freud** (1856-1939), Nhà Phân tâm học: * *Tôn giáo giống như là chứng bệnh suy nhược thần kinh của trẻ con*(Religion is comparable to a childhood neurosis.) * *Giáo hội Ca-Tô là đối thủ của mọi tự do tư tưởng* (The Catholic Church so far has been the implacable enemy of all freedom of thought.)

60. **George Bernard Shaw** (1856-1950), Nhà viết kịch Anh: * *Không phải là không tin thì nguy hiểm cho xã hội của chúng ta, mà chính là sự tin* (It is not disbelief that is dangerous to our society, it is belief.) * *Đối với tín đồ Ca-Tô, chỉ có hai quốc gia, thiên đường và hỏa ngục; chỉ có hai trạng thái của con người, cứu rỗi hay bị đày đọa* (For the Catholic, there are but two countries, heaven and hell; but two conditions of men, salvation and damnation.)

61. **George Santayana** (1863-1952), Triết gia Mỹ: * *Đối với Shakespeare, về vấn đề tôn giáo, sự chọn lựa nằm ở hoặc Ki Tô giáo hoặc không tin gì. Ông ta đã chọn không tin gì* (For Shakespeare, in the matter of religion, the choice lay between Christianity and nothing. He chose nothing.) * *Ki Tô giáo đàn áp tôn giáo, tra tấn và thiêu sống con người. Như một con chó săn, tôn giáo này đánh hơi và truy lùng kẻ lạc đạo. Tôn giáo này gây nên những cuộc chiến tranh, và nuôi dưỡng thù hận và tham vọng. Tôn giáo này thánh hóa sự tàn diệt và sự chuyên chế* (Christianity persecuted, tortured, and burned. Like a hound it tracked the very scent of heresy. It kindles wars, and nursed furious hatred and ambitions. It sanctified extermination and tyranny..)

62. **Bertrand Russell** (1872-1970), Triết gia, Nhà Toán học Anh, tác giả cuốn Why I Am Not A Christian: * *Quan điểm của tôi về tôn giáo [Ki Tô Giáo] giống như quan điểm của Lucretius. Tôi coi nó như là một bệnh chứng xuất phát từ sự sợ hãi và là nguồn gốc của sự khổ sở không thể kể được của loài người* (My own view on religion is that of Lucretius. I regard it as a disease born of fear and as a source of untold

misery to the human race.) * *Nếu tôi nhớ không lầm, không có một lời nào trong các Phúc Âm ca tụng sự thông minh (So far as I can remember, there is not one word in the gospels in praise of intelligence.)* * *Đàn áp tôn giáo được sử dụng trong thần học chứ không ở trong số học (Persecution is used in theology, not in arithmetic.)*

63. **Albert Einstein** (1879-1955), Khoa học Gia Do Thái, Thuyết Tương Đối: * *Tôi không thể quan niệm một Thần Ki Tô thưởng phạt tạo vật của chính mình (I cannot conceive of a God who rewards and punishes his creatures)*

64. **H. L. Mencken** (1880-1956), Văn hào Mỹ: * *Nói một cách đại cương, tôi tin rằng tôn giáo là một sự nguyền rủa đối với nhân loại (I believe that religion, generally speaking, has been a curse to mankind.)* * *Đức tin có thể định nghĩa ngắn gọn như là một niềm tin phi lý vào những gì không chắc chắn xảy ra (Faith may be defined briefly as an illogical belief in the occurrence of the improbable.)* * *Thần học: một nỗ lực để giải thích cái không thể biết được bằng cách đặt chúng vào những lời không đáng để biết (Theology: an effort to explain the unknowable by putting it into terms of the not worth knowing.)* * *Tổng giám mục: một chức sắc Ki Tô cao chức hơn chức của Chúa Ki Tô (Archbishop: A Christian ecclesiastic of a rank superior to that attained by Christ.)*

65. **Alfred North Whitehead** (1861-1947), Toán gia và Triết gia Mỹ: * *Tôi coi nền thần học Ki Tô Giáo như là một trong những tai họa lớn của nhân loại (I consider Christian theology to be one of the great disasters of the human race)..*

66. **Theodore Dreiser** (1871-1945), Văn hào Mỹ: * *Mọi hình thức của tôn giáo tín điều phải dẹp bỏ. Thế giới đã tồn tại mà không cần đến nó trong quá khứ và có thể cũng như vậy trong tương lai (All forms of dogmatic religion should go. The world did without them in the past and can do so again.)*

67. **Arthur Koestler** (1905-1983), Triết gia Anh: * *Tại Jerusalem, cái bộ mặt giận dữ của thần Gia-vê áp ủ những phiến đá nóng, những phiến đá đã chứng kiến những cuộc thánh sát, cưỡng hiếp, và cướp bóc nhiều hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Dân cư ở đây bị đầu độc bởi tôn giáo (In Jerusalem..the angry face of Yahweh is brooding over the hot rocks which have seen more holy murder, rape and plunder than any other place on earth. Its inhabitants are poisoned by religion.)*

68. **Edgar Lee Masters** (1869-1950), Thi sĩ Mỹ: * *Nhiều cuốn sách đã được viết ra để chứng tỏ Ki Tô giáo đã làm suy yếu thế giới, rằng tôn giáo này đã gạt ra ngoài sự khai sáng và trí tuệ của Hellas để nhường chỗ cho một giáo lý mê tín và ngu xuẩn (Many books have been written to show that Christianity has emasculated the world, that it shoved aside the enlightenment and wisdom of Hellas for a doctrine of superstition and ignorance.)*

69. **George Moore** (1852-1933), Tiểu thuyết gia Ái Nhĩ Lan: * *Thiên đường có thể để cho giáo dân, nhưng thế giới này chắc chắn là để cho các linh mục* (Heaven may be for the laity, but this world is certainly for the clergy.)

70. **H. G. Wells** (1866-1946), Tiểu thuyết gia Anh: * *Cái thứ xấu ác nhất trong thế giới ngày nay là Giáo hội Ca-Tô Rô-ma* (The most evil thing in the world today is the Roman Catholic Church.)

71. **Culbert Olson**, Thống đốc bang California, 1938-1943: * *Tôi không hiểu làm sao mà người nào đọc thánh kinh mà lại có thể tin rằng đó là lời của Thần Ki-Tô, hoặc tin đó không phải là chuyện man rợ của một dân tộc man rợ* (I don't see how anybody can read the Bible and believe it's the word of God, or believe that it is anything but a barbarous story of a barbaric people.)

72. **Preserved Smith** (1880-1941), Sử gia Mỹ: * *Không còn nghi ngờ gì nữa, cuốn thánh kinh là khối cản trở trên con đường tiến bộ, khoa học, xã hội và ngay cả đạo đức. Nó được viện dẫn để chống Copernicus* (Thuyết trái đất quay xung quanh mặt trời. TCN) *cũng như là chống Darwin* (Thuyết Tiến Hóa. TCN) (There can be no doubt that the Bible became a stumbling -block in the path of progress, scientific, social and even moral. It was quoted against Copernicus as it was against Darwin.)

73. **Isaac Asimov** (1920-1992), Khoa học gia Mỹ: * *Đối với tôi, Thiên Chúa có lẽ là một sản phẩm tùy tiện của tâm trí con người; Tôi chắc chắn không tin vào những huyền thoại, vào thiên đường và hỏa ngục, vào Thiên Chúa và Thiên Thần, Sa-Tăng và quỷ* (It seems to me that God is a convenient invention of the human mind; I certainly don't believe in the mythologies of our society, in heaven and hell, in God and angels, in Satan and demons..)

74. **Steve Allen** (1921 -), Mỹ, tác giả 43 cuốn sách đủ loại: * *Rất hiếm có một trang sách nào trong cuốn thánh kinh mà trong đó một người có đầu óc cởi mở không nhận thấy một sự mâu thuẫn, một chuyện lịch sử bất khả hữu, một sai lầm hiển nhiên, một sự kiện lịch sử không thể nào xảy ra* (There is scarcely a page of the Bible on which an open mind does not perceive a contradiction, an unlikely history, an obvious error, an historical impossibility..); * *Một người vô thần không ghét Thần Ki Tô, hẳn chỉ không thể tin được là một Thần có thể hiện hữu.* (An atheist does not hate God; he simply is one who is unable to believe that a God exist); * *Cuốn thánh kinh đã được dùng để khuyến khích niềm tin vào sự mê tín thô thiển nhất và làm ngăn cản sự dạy những chân lý khoa học* (The Bible has been used to encourage belief in the grossest superstition and to discourage the free teaching of scientific truths); * *Chỉ sau khi tôi đọc cuốn thánh kinh từ đầu đến cuối tôi mới nhận ra rằng Thần Ki Tô trong đó thật sự là một bạo chúa thích trả thù, ác như quỷ, còn ác hơn sự khát máu điên rồ, sự dã man, sự tàn phá của những con người như Hitler, Stalin, Pol Pot, hoặc bất cứ kẻ sát nhân tập thể nào trong lịch sử cổ xưa hoặc hiện đại* (It

was only when I finally undertook to read the Bible through from beginning to end that I perceived that its depiction of the Lord God was actually that of a monstrous, vengeful tyrant, far exceeding in bloodthirstiness and insane savagery the depredations of Hitler, Stalin, Pol Pot, or any mass murderer of ancient or modern history.)

75. **Carl Sagan**, Khoa học gia Mỹ: * *Nếu các bạn muốn cứu con mình khỏi bị bệnh bại liệt, bạn có thể cầu Chúa hoặc mang nó đi chích ngừa.. Hãy chọn khoa học (If you want to save your child from polio, you can pray or you can inoculate.. Choose science)*

76. **Albert Schweitzer**, Bác sĩ, triết gia người Pháp: * *Không có gì tiêu cực hơn là kết quả nghiên cứu phê bình về đời sống của Giê-su. Giê-su ở Nazareth xuất hiện trước công chúng như là Vị Cứu Tinh [của dân tộc Do Thái], thuyết giáo về Vương Quốc của Thiên Chúa, thiết lập Thiên Đường trên trái đất, và chết đi như là sự hiến dâng cuối cùng, không từng bao giờ hiện hữu.*

(There is nothing more negative than the result of the critical study of the life of Jesus. The Jesus of Nazareth who came forward publicly as the Messiah, who preached the Kingdom of God, who founded the Kingdom of Heaven upon earth, and die to give his work its final consecration, never had any existence.)

77. **Richard Feynman**, Vật Lý Gia Mỹ, Giải Nobel: * *Thiên Chúa được phát minh ra để giải thích những điều khó hiểu. Thiên Chứaluôn luôn được phát minh ra để giải thích những điều chúng ta không hiểu. Nay, khi sau cùng chúng ta khám phá ra rằng một cái gì đó vận hành như thế nào, chúng ta có những định luật mà chúng ta tước khỏi từ Thiên Chúa, chúng ta không còn cần đến ông ta nữa.*

(God was invented to explain mystery. God is always invented to explain those things that you do not understand. Now, when you finally discover how something works, you get some laws which you are taking away from God; you don't need him anymore.)

78. **A. A. Milne**, tác giả Winnie The Pooh: * *Hơn bất cứ cuốn sách nào khác, cuốn Cựu Ước phải chịu trách nhiệm vì làm cho nhiều người trở thành vô thần, vô ngộ, và không tin – muốn gọi họ thế nào cũng được. (The Old Testament is responsible for more atheism, agnosticism, disbelief – call it what you will – than any book ever written.)*

79. **Gore Vidal**, Văn Gia: * *Tôi coi chủ nghĩa độc thần là tai họa to lớn nhất đã giáng xuống đầu nhân loại. Tôi không nhìn thấy cái gì tốt ở Do Thái Giáo, Ki tô Giáo hay Hồi Giáo – có những người tốt, đúng vậy, nhưng tôn giáo nào mà đặt căn bản trên một thần duy nhất điên cuồng, ác độc, thì tôn giáo đó không có ích gì cho nhân loại như, thí dụ, đạo Khổng, không phải là một tôn giáo mà là một hệ thống đạo đức và giáo dục. (I regard monotheism as the greatest disaster ever befall the human race. I see no good in Judaism, Christianity or Islam – good people, yes, but any religion based on a single, well, frenzied and virulent god, is not as useful to the*

human race as, say, Confucianism, which is not a religion but an ethical and educational system.)

80. Arthur Schlesinger, Jr., Sử Gia:

Là một sử gia, tôi thú nhận là cảm thấy khô hài khi tôi nghe người ta ca tụng truyền thống Do Thái – Ki Tô là nguồn gốc của quan niệm về nhân quyền ngày nay. Thật ra thì, những thời đại sùng đạo được nổi tiếng là không hề quan tâm đến nhân quyền. (As a historian, I confess to a certain amusement when I hear the Judeo-Christian tradition praised as the source of our present-day concern for human rights.. In fact, the great religious ages were notable for their indifference to human rights.)

81. Jesse Ventura, Thống đốc bang Minnesota:

Tôn giáo có tổ chức [Ki Tô Giáo] là một sự giả mạo và là cái nạng cho những người đầu óc yếu kém cần đến số đông làm sức mạnh. Tôn giáo đó bảo tin đồ đi ra ngoài nhúng mũi vào chuyện của người khác. (Organized religion is a sham and a crutch for weak-minded people who need strength in numbers. It tells people to go out and stick their noses in other people's business.)

82. Edgar Allan Poe, Văn sĩ:

Những người tiên phong và thừa sai truyền đạo thực sự đã là nguyên nhân gây rối loạn và chiến tranh hơn mọi lớp người khác của nhân loại. (The pioneers and missionaries of religion have been the real cause of more trouble and war than all other classes of mankind.)

83. Edward Abbey, Nhà môi sinh Mỹ;

Bất cứ điều gì mà chúng ta thấy khó hiểu thì chúng ta viện đến Thiên Chúa; điều này giữ cho chúng ta khỏi dùng đến đầu óc. Tin vào siêu nhiên là sự thất bại về óc tưởng tượng. (Whatever we cannot easily understand we call God; this saves much wear and tear on the brain tissues.. Belief in the supernatural reflects a failure of the imagination.)

84. Noam Chomsky, giáo sư MIT:

[Ông hỏi tôi] *Tôi có tin vào Thiên Chúa không?.. Tôi không hiểu câu hỏi đó. (Do I believe in God?.. I don't understand the question.)*

85. Peter William Atkins, Nhà Hóa Học Anh:

Không thể nào là người lương thiện trí thức mà lại tin vào các Thiên Chúa. Và không thể nào tin vào các Thiên Chúa mà là những khoa học gia chân chính. (It is not possible to be intellectually honest and believe in gods. And it is not possible to believe in gods and be a true scientist.)

86. Bernard Berenson, Sử gia Mỹ: * *Phép lạ xảy ra cho những người tin vào chúng. Nếu không thì tại sao bà Mary Đồng Trinh lại không hiện ra trước các Lạt*

Ma, người Hồi Giáo, hay người Ấn Độ Giáo, những người chưa từng biết đến bà ta?[Miracles happen to those who believe in them. Otherwise why does not the Virgin Mary appear to lamaists, Mohammedans, or Hindus who have never heard of her?]

87. Robert Browning, Thi Sĩ Anh:

Ngày nay có một tòa án / Cao hơn tòa án của God – Tòa án của người có học thức. (There's a new tribunal now / Higher the God's – the educated man's)

88. Lenny Bruce, Nhà châm biếm Mỹ:

Nếu Giê-su bị giết trước đây 20 năm, các học sinh Công Giáo chắc sẽ đeo những ghế điện quanh cổ thay vì những cây thập giá. (If Jesus had been killed twenty years ago, Catholic school children would be wearing little electric chairs around their neck instead of crosses.)

89. Pope Paul IV (1476-1559)

Nếu cha tôi là một kẻ lạc đạo, tôi sẽ đích thân đi lượm củi để thiêu sống ông ta (If my own father were a heretic, I would personally gather the wood to burn him.)

90. Polly Toynbee, Bình luận gia của tờ Guardian, Anh quốc:

Trong những điều dạy của Ki Tô Giáo, điều ghê tởm nhất là khái niệm về một đấng Ki Tô chịu tội cho chúng ta và hi sinh thân xác trong sự đau đớn cùng cực để cứu linh hồn chúng ta. Chúng ta có yếu cầu ông ta làm vậy không? (Of all the elements of Christianity, the most repugnant is the notion of the Christ who took our sins upon himself and sacrificed his body in agony to saveour souls. Did we ask him to?)

91. Chales Caleb Cotton, Giáo sĩ người Anh:

Người nào mà chết như là một thánh tử đạo thì chứng tỏ rằng người đó không phải là một quân xỏ lá ba que, nhưng hoàn toàn không có nghĩa là hẳn ta không phải là một tên xuẩn ngốc bị lừa phỉnh. (He that dies a martyr proves that he was not a knave, but by no means that he was not a fool.) *Một số thánh nổi tiếng đã được phong thánh thì phải bị bắn bằng súng đại bác* (Some reputed saints that have been canonized ought to have been cannonaded.)

92. Jerry Falwell, nhà truyền giáo trên TV (TV evangelist):

Những tín đồ Ki Tô Giáo, giống như những nô lệ và binh sĩ, không được quyền chất vấn (Christians, like slaves and soldiers, ask no questions.)

93. Harvey Fierstein, Kịch sĩ Mỹ:

Giáo hội Công giáo là tổ chức duy nhất mà chúng ta biết là dùng tiền của một quỹ như bản được tạo lên chỉ để dùng riêng để bồi thường cho những gia đình có con em bị xâm phạm tình dục. Vậy thì luôn luôn hãy nhớ rằng chúng ta không thể xét đoán một người qua cái cổ áo của người đó [các linh mục thường mặc áo chùng

thâm với cái cổ cồng trắng](The Catholic Church is the only organization on record to dispense money from a slush fund set up solely for the paying off of abused children's families. So always remember you cannot judge a man by his collar.)

94. **Ruth Hermence Green**, một phụ nữ Ki Tô tình ngộ (a recovered Christian woman):

Nếu quan niệm về một người cha âm mưu để cho chính con mình bị xử tử, và dạy cho trẻ con đó là một chuyện đẹp đẽ và là điều mà xã hội phải kính ngưỡng, thì tư cách đạo đức nào của con người có thể trình bày cho các em nhỏ là đáng khiển trách. (If the concept of a father who plots to have his own son put to death is presented to children as beautiful and as worthy of society's admiration, what types of human behavior can be presented to them as reprehensible?)

95. **Pope Gregory I** (540-604):

Niềm hạnh phúc của những người được chọn ở trên thiên đường sẽ không được hoàn hảo trừ phi những người này có thể nhìn xuống địa ngục và thích thú trước những sự đau đớn cùng cực của anh em họ trong ngọn lửa vĩnh hằng. (The bliss of the elect in heaven would not be perfect unless they were able to look across the abyss and enjoy the agonies of their brethen in eternal fire.)

96. **Heinrich Heine** (1797-1856), Thi sĩ Đức:

Nếu mắt phải của ngươi xúc phạm ngươi, hãy móc nó ra / Nếu tay phải ngươi xúc phạm ngươi, hãy chặt nó đi [Lời Giê-su dạy tín đồ] / Và nếu lý trí của ngươi xúc phạm ngươi, hãy trở thành một tín đồ Công giáo. (If your right eye offends you, pluck it out / If your right arm offends you, cut it off / And if your reason offends you, become a Catholic.)

97. **Stanislaw J. Lec** (1909-1966), Thi sĩ người Ba Lan, gốc Do Thái:

Đôi khi con quỷ quyến rũ tôi để tin vào Thiên Chúa. (Sometimes the devil tempts me to believe in God.)

98. **Richard Lederer**, nhà ngữ học Mỹ:

Có một thời mà mọi người [ở Âu Châu] đều tin vào Thiên Chúa, và giáo hội [Công giáo] thống trị. Thời đại đó được gọi là Thời Đại Tăm Tối. (There once was a time when all people believe in God and the Church ruled. This time was called the Dark Ages.)

99. **Francis Crick**, Nhà sinh học, cùng khám phá ra DNA với James Watson:

Nếu những tôn giáo mạc khải đã mạc khải ra những điều gì, thì chúng thường là sai lầm. (If revealed religions have revealed anything it is that they are usually wrong)

Nếu một số điều trong cuốn Kinh Thánh rõ ràng là sai lầm, vậy thì tại sao những điều còn lại lại phải được tự động chấp nhận. (If some of the Bible is manifestly wrong, why should any of the rest of it be accepted automatically)

100. **Robert Anton Wilson**, Triết Gia Mỹ:

Kinh Thánh bảo chúng ta là hãy giống như Thiên Chúa, và rồi từ trang này đến trang khác, mô tả Thiên Chúa như là một tên giết người hàng loạt. Đây có thể là cái chìa khóa quan trọng duy nhất cho thái độ chính trị của nền văn minh Tây phương.

(The Bible tells us to be like God, and then on page after page it describes God as a mass murderer. This may be the single most important key to the political behavior of Western civilization).

PHẦN II

NHẬN ĐỊNH VỀ ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT GIÁO CỦA MỘT TRĂM DANH NHÂN TRÍ THỨC TRÊN THẾ GIỚI



Bertrand Russell: *Tôi cảm thấy rằng về phương diện trí tuệ và đức tính, Chúa Ki Tô không thể cao bằng một số người mà chúng ta biết trong lịch sử. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ đặt Đức Phật và Socrates lên trên Chúa Ki Tô trong những phương diện này."*

(I cannot myself feel that either in the matter of wisdom or in the matter of virtue Christ stands quite as high as some people known to history. I think I should put Buddha and Socrates above him in those respects.)

William Hunter: *Tất cả những tôn giáo Á Đông đều phải biết ơn Phật Giáo về giáo lý đạo đức cao quý nhất mà giá trị của tôn giáo này còn hữu hiệu cho tới ngày nay, mà tột đỉnh của giáo lý này là lòng từ bi đối với mọi chúng sinh, giáo lý của Đấng Toàn Giác.*

(All Asiatic religions are indebted to Buddhism for the noblest moral element that is effective even today, which culminates in kindness to all that lives and breathes, the doctrine of the perfectly Awakened One)



1. Arthur Schopenhauer (1788- 1860), Triết gia Đức [German Philosopher]:

Nếu tôi lấy những kết quả triết lý của tôi như là một thước đo chân lý, tôi phải thừa nhận rằng Phật Giáo đứng trên mọi tôn giáo trên thế giới.

(If I were to take the results of my philosophy as a yardstick of the truth, I would concede to Buddhism the pre- eminence of all religions of the world.)

[**Arthur Schopenhauer** (1788- 1860), Triết gia Đức: * *Bạn có thể ghi nhận là đức tin và kiến thức thì liên hệ với nhau như là hai cán cân; khi cán cân bên này lên thì cán cân kia xuống* (You may observe that faith and knowledge are related as the scales of a balance; when the one goes up, the other goes down); * *Những hoa trái của Ki Tô giáo là chiến tranh tôn giáo, những cuộc tàn sát, những cuộc chiến tranh thập ác chinh, những tòa án xử dị giáo, sự tiêu diệt các thổ dân Mỹ, và đưa những nô lệ Phi Châu vào thay thế* (The fruits of Christianity were religious wars, butcheries, crusades, inquisitions, extermination of the natives in America, and the introduction of African slaves in their place); * *Công giáo là tôn giáo lên thiên đường bằng cách cầu xin, vì nó quá phiền toái để tự mình đạt được. Linh mục là những kẻ buôn bán thiên đường* (The Catholic religion is an order to obtain heaven by begging, because it would be too troublesome to earn it. The priest are the brokers for it); * *Mọi tín lý, bất kể là vô lý tới đâu, khi cấy vào con người từ nhỏ, chắc chắn là ở trong đó suốt đời* (Any dogma, no matter how extravagantly absurd, inculcated in childhood, is sure to retain its hold for life.)

2. Thomas Henry Huxley (1825- 1895), Khoa học gia Anh:

Phật Giáo là một hệ thống tín ngưỡng không biết đến Thượng đế theo nghĩa của Tây phương, không công nhận con người có một linh hồn và coi niềm tin vào một sự sống vĩnh hằng là một sai lầm, dạy con người không tìm bất cứ ở đâu ngoài nỗ lực của chính mình để đi đến giải thoát, và trong sự tinh khiết nguyên thủy của mình, không bao giờ tìm kiếm sự giúp đỡ của chính quyền thế tục, tuy vậy đã lan truyền nhanh chóng đến một phần đáng kể trên thế giới, và vẫn còn là một tôn giáo trội nhất của một phần lớn của nhân loại.

[Buddhism is a system which knows no God in the Western sense, which denies a soul to man and counts the belief in immortality a blunder, which bids men to look to nothing but their own efforts for salvation, which in its original purity knew nothing of the vows of obedience and never sought the aid of the secular arm, yet spread over a considerable portion of the world with marvellous rapidity, and is still the dominant creed of a large fraction of mankind.]

Thomas Henry Huxley (1825- 1895), Khoa học gia Anh: * *Tín điều về sự không thể sai lầm của Thánh kinh cũng chẳng hiển nhiên hơn tín điều về không sự sai lầm của các giáo hoàng* (The dogma of infallibility of the Bible is no more self- evident than is that of the infallibility of the popes.) * *Từ một nô lệ của chế độ giáo hoàng* [một người Công giáo], *người trí thức đã trở thành nông nô của Thánh kinh* [một người Tin Lành] (From being a slave of the papacy [a catholic] the intellect was to become the serf of the Bible [a protestant].) * *Hệ thống giáo sĩ là kẻ thù sống chết của khoa học. Thuyết tiến hóa loại bỏ thuyết sáng tạo và mọi sự can thiệp siêu nhiên* (The ecclesiastical system is the deadly enemy of science. Evolution excludes creation and all other kinds of supernatural interventions.) * *Hoài nghi là bổn phận cao nhất và đức tin mù quáng là tội lỗi không thể tha thứ được* (Skepticism is the highest duty and blind faith the one unpardonable sin.)

3. Sir Edwin Arnold (1832- 1904), Thi sĩ Anh [Poet laureate of England]: *Cho nên, về thời điểm, hầu hết các tôn giáo khác đều trẻ trung đối với Phật Giáo, cái tôn giáo đáng kính này, cái tôn giáo bao gồm trong đó sự vĩnh hằng của một niềm hi vọng phổ quát, sự bất diệt của tình thương yêu không giới hạn, một phần bất khả phá hủy về niềm tin vào tính thiện sau cùng, và sự khẳng định hãnh diện nhất về sự tự do của con người chưa từng có.*

[In point of age, therefore, most other creeds are youthful compared with this venerable religion, Buddhism, which has in it the eternity of a universal hope, the immortality of a boundless love, an indestructible element of faith in final good, and the proudest assertion ever made of human freedom.]

4. William James (1842- 1910), Triết Gia và nhà Tâm Lý Học Hoa Kỳ [American philosopher and psychologist]: *Tôi không biết nhiều về Phật Giáo và có thể sai, và chỉ để bày tỏ quan điểm tổng quát của tôi; nhưng hiểu rõ giáo lý Phật Giáo về “Ng nghiệp Báo”, trên nguyên tắc tôi đồng ý với giáo lý đó.*

[I am ignorant of Buddhism and speak under correction, and merely in order the better to describe my general point of view; but as apprehend the Buddhistic doctrine of karma, I agree in principle with that.]

5. T.W.Rhys Davids (1843- 1922), Giáo sư đại học Anh [Professor, the first person to hold a chair in Comparative Religion in a British university]:

**Không thể phủ nhận là có một sự đẹp đẽ chân thật Á Đông trong những biểu thị mà Phật Giáo dùng; và có những căn bản chân thật thích thú cho sự sinh ra của Phật Giáo. Chưa từng có trong lịch sử thế giới một hệ thống nào được xếp đặt mà lại thực sự thoát ra khỏi một doanh nghiệp siêu nhiên, rất độc lập và ngay cả đối nghịch với niềm tin về một linh hồn, niềm tin vào Thượng đế, và hi vọng vào một đời sống sau..*

Tôi đã khảo sát mọi hệ thống tôn giáo lớn trên thế giới, Phật Giáo và các tôn giáo khác, tôi không thấy một giáo lý nào có thể vượt trội hơn, về sự tốt đẹp và sự bao quát, của Bát Chánh Đạo và Tứ Diệu Đế của Đức Phật.

[It cannot be denied that there is a real beauty of an Oriental kind in the various expressions which the Buddhists use; and that there was real grounds for the enthusiasm which gave them birth. Never in the history of the world had such a scheme been put forth, so free from any superhuman agency, so independent of so even antagonistic to the belief in a soul, the belief in God, and the hope of a future life...

Buddhist or non- Buddhist, I have examined every one of the great religious systems of the world, in none of them I have found anything to surpass, in beauty and comprehensiveness, the Noble Eightfold Path and the Four Truths of the Buddha.]

**Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, đức Phật khuyến dụ, tha thiết kêu gọi con người không nên làm hại một sinh vật, không nên cầu nguyện, tán tụng, hay hy sinh (tử vì đạo) cho các Thần. Với tất cả tài hùng biện trong lệnh truyền của Ngài, đấng Vô Thượng Sư hùng hồn tuyên bố là các thiên chúa, nói cho đúng, cũng cần đến sự giải thoát cho chính họ.*

[For the first time in human history the Buddha admonished, entreated and appealed to people not to hurt a living being, not to offer prayer of praise or sacrifice to gods. With all the eloquence as his command the exalted one vehemently proclaimed that gods are also in dire need of salvation of themselves.]

**Tôi không biết có một tài liệu nào trong suốt chiều dài lịch sử của Phật giáo qua nhiều thế kỷ mà các tín đồ Phật giáo ở trong những thời kỳ siêu đẳng như vậy mà có một sự bạo hành nào của người phật tử đối với những người có niềm tin khác.*

[There is no record known to me in the whole of the long history of Buddhism throughout the many centuries where its followers have been for such lengthened periods supreme, of any persecution by the Buddhists of the followers of any other faith.]

6. Rabindranath Tagore (1861- 1941), Nhà Giáo Dục và Thi sĩ Ấn, Giải Nobel (Indian poet and educationalist. Winner of The Nobel prize.):

Phật Giáo là sức mạnh tâm linh trong lịch sử, làm cho số lớn các sắc dân ngăn cách nhau bởi những chướng ngại về không gian khó khăn nhất, về những sự khác nhau về ngôn ngữ và phong tục, về các nền văn minh khác nhau, sáp lại gần với nhau. Động lực của Phật Giáo không nằm trong thương vụ quốc tế, trong sự xây dựng đế quốc, trong sự tìm hiểu khoa học, trong sự thúc đẩy chiếm cứ những miền đất mới. Đó là một nỗ lực hoàn toàn vô vị lợi để giúp nhân loại đi đến mục tiêu cuối cùng của mình [tự giải thoát].

[Buddhism was the first spiritual force, known to us in history, which drew close together such a large number of races separated by most difficult barriers of distance, by

difference of language and custom, by various degrees and divergent types of civilization. It had its motive power, neither in international commerce, nor in empire building, nor in a scientific curiosity, nor in a migrative impulse to occupy fresh territory. It was a purely disinterested effort to help mankind forward to its final goal.]

7. Alfred North Whitehead (1861- 1947), Toán gia và Triết gia Anh [British mathematician and philosopher]:

Trong lịch sử, Phật Giáo là một thí dụ vĩ đại nhất về bộ môn siêu hình học áp dụng.

[Buddhism is the most colossal example in the history of applied metaphysics.]

[**Alfred North Whitehead** (1861- 1947), Toán gia và Triết gia Anh: * *Tôi coi nền thần học Ki Tô Giáo như là một trong những tai họa lớn của nhân loại.*

(I consider Christian theology to be one of the great disasters of the human race)..]

8.Sir Francis Younghusband (1863- 1942), Nhà thám hiểm và ngoại giao Anh (*British explorer, diplomat.*)

Vì Ngài đã chứng tỏ trong đời sống của Ngài những gì Ngài giảng dạy đều thực tế và hợp lý nên Ngài đã tạo nên một ảnh hưởng lớn trong nhân loại...Ấn tượng của Đức Phật trên nhân loại thật là sâu đậm..

(It was because he showed in his life what he taught was both practical and reasonable that he exerted such a mighty influence upon mankind. The impression Buddha made was deep.)

9.H. G. Wells (1866- 1946), Sử Gia và Nhà Xã hội học Anh (*British historian, socialist.*)

**Đức Phật, qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, năm trăm năm trước Chúa Christ, đã dạy con người đức tính vị tha. Trong một số chiều hướng Ngài rất gần gũi với chúng ta hơn, và đáp ứng được nhu cầu của chúng ta. Đức Phật cũng tỏ ra sáng suốt hơn Chúa Christ trong sự quan tâm phục vụ con người và ít mơ hồ đối với vấn đề trường tồn bất tử của kiếp nhân sinh.*

[Buddha in a different language called men to self- forgetfulness five hundred years before Christ. In some ways he was nearer to us and our needs. Buddha was more lucid upon our individual importance in service than Christ, and less ambiguous upon the queation of personal immortality.]

**Các bạn thấy rõ Ngài là một nhân vật đơn giản, chân thành, đơn độc, một mình tự lực phấn đấu cho ánh sáng, một nhân vật sống chứ không phải là một huyền thoại.Đàng sau nhiều chuyện thần kỳ về Đức Phật, tôi cảm thấy Ngài cũng là một Người. Ngài đã gửi bức thông điệp cho nhân loại hoàn vũ. Có nhiều tư tưởng tuyệt diệu hiện đại của chúng ta rất gần gũi tương đồng với thông điệp*

của Ngài. Tất cả những đau khổ, bất mãn trong cuộc sống, theo Ngài dạy: là do lòng vị kỷ. Lòng vị kỷ có ba dạng: - Một là tham vọng thỏa mãn những cảm giác; - Hai là tham vọng muốn bất tử; - Ba là tham vọng vinh hoa phú quý trần tục. Con người trước khi có thể trở nên thanh tịnh, người đó phải ngưng sống theo giác quan hoặc sống cho chính mình.

[You see clearly a man, simple, devout, lonely, battling for light, a vivid human personality, not a myth. Beneath a mass of miraculous fable I feel that there also was a man. He too, gave a message to mankind universal in its character. Many of our best modern ideas are in closest harmony with it. All the miseries and discontents of life are due, he taught, to selfishness. Selfishness takes three forms: one, the desire to satisfy the senses; second, the craving for immortality; and the third the desire for prosperity and worldliness. Before a man can become serene he must cease to live for his senses or himself.]

**Phật Giáo vẫn còn tồn tại trên nhiều vùng lớn của thế giới. Có thể khi tiếp xúc với khoa học Tây phương, và lấy cảm hứng bởi tinh thần của lịch sử, giáo lý nguyên thủy của Đức Cô Đàm, làm sống lại và tinh khiết hóa, có thể sẽ giữ một phần to lớn trong chiều hướng số phận của nhân loại. Những giáo lý căn bản của Đức Phật, như được trình bày rõ từ sự nghiên cứu các nguồn tài liệu nguyên thủy, thì thật là rõ ràng và đơn giản và hòa hợp nhất với những ý tưởng hiện đại. Phật Giáo vượt lên trên những sự tranh cãi, là thành quả của một trong những sự thông minh sâu thẳm mà thế giới chưa từng biết. Phật Giáo đã đóng góp cho sự tiến bộ của nền văn minh và văn hóa chân thật của thế giới hơn bất cứ ảnh hưởng nào khác trong lịch sử nhân loại.*

[Over great areas of the world it still survives. It is possible that in contact with Western science, and inspired by the spirit of history, the original teaching of Gotama, revived and purified, may yet play a large part in the direction of human destiny. The fundamental teachings of Gotama, as it is now being made plain to us by study of original sources, is clear and simple and in the closest harmony with modern ideas. It is beyond all disputes, the achievement of one of the most penetrating intelligence the world has ever known.

Buddhism has done more for the advance of world civilization and true culture than any other influence in the chronicles of mankind.]

H. G. Wells (1866- 1946), Sử gia Anh: ** Cái thứ đồ xấu ác nhất trong thế giới ngày nay là Giáo hội Công giáo La mã* (The most evil thing in the world today is the Roman Catholic Church.)

10. Mahama Gandhi (1869- 1948), Tư tưởng gia Ấn Độ (Indian Thinker)

Tôi không do dự mà tuyên bố rằng tôi đã lấy rất nhiều cảm hứng từ đời sống của Đấng Giác Ngộ. Á Châu có một thông điệp cho toàn thể thế giới... Không để chỉ cho Á Châu mà để cho cả hoàn cầu, Á Châu phải học lại thông điệp của Đức

Phật và truyền giao đến cho cả thế giới. Tình thương yêu không bờ bến của Đức Phật trải xuống cả những súc vật thấp hèn cũng như là cho con người. Và Người nhấn mạnh đến sự thanh tịnh của đời sống.

(I have no hesitation in declaring that I owe a great deal to the inspiration that I have derived from the life of the Enlightenment One. Asia has a message for the whole world.. For Asia to be not for Asia but for the whole world, it has to re- learn the message of the Buddha and deliver it to the whole world. His love, his boundless love went out as much to the lower animal, to the lowest life as to human beings. And he insisted upon purity of life.)

11. Sir Charles Bell KCIE, CMG (1870- 1945), Nhà ngoại giao Anh, (British Diplomat)

Đối với người Ki Tô Giáo, tình thương yêu là đức tính cao nhất; đối với người Phật tử, đó là Trí Tuệ, vì họ tin rằng vô minh là gốc rễ của sự xấu ác. Tình thương yêu cũng được đặt cao.. Sự khoan dung và lòng từ bi đều đặt căn bản trên trí tuệ của Phật Giáo, có lẽ là lý do chính mà Trung Đạo của Đức Phật đã tồn tại qua 2500 năm .

(To the Christian, Love is the highest virtue; to the Buddhist, Wisdom, for they hold that ignorance is the root of all evil. Love, all the same, ranks highTolerance and loving kindness, both based on Buddhist wisdom, are perhaps the chief reason why the middle way of Gotama has come down through 2500 years.)

12. Bertrand Russell (1872- 1970), Triết gia, Nhà Toán học Anh, Giải Nobel.

Về tất cả các tôn giáo lớn trong lịch sử, tôi ưa thích Phật Giáo hơn...Phật Giáo là một tổ hợp của suy lý và triết lý khoa học. Phật Giáo ủng hộ phương pháp khoa học và theo đuổi cứu cánh có thể gọi là duy lý. Trong Phật Giáo chúng ta có thể tìm thấy những giải đáp cho những câu hỏi như "Tinh thần và vật chất là gì? Cái gì quan trọng nhất? Vũ trụ có tiến tới một mục đích nào không? Vị thế của con người là gì? Có sự sống cao quý không?" Phật Giáo tiếp nối nơi mà khoa học không thể dẫn đến vì những giới hạn của dụng cụ khoa học. Sự chinh phục của Phật Giáo là chinh phục tâm của con người. Tôi cảm thấy rằng về phương diện trí tuệ và đức tính, Chúa Ki Tô không thể cao bằng một số người mà chúng ta biết trong lịch sử. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ đặt Đức Phật và Socrates lên trên Chúa Ki Tô trong những phương diện này."

(Of the great religions of history I prefer Buddhism...Buddhism is a combination of both speculative and scientific philosophy. It advocates the Scientific Method and pursues that to a finality that may be called Rationalistic. In it are to be found answers to such question of interest as "What is mind and matter? Of them which is of great importance? Is the universe moving towards a goal? What is man's position? Is there living that is noble?" It takes up where science cannot lead because of the limitations of the latter's instruments.

Its conquests are those of the mind. I cannot myself feel that either in the matter of wisdom or in the matter of virtue Christ stands quite as high as some people known to history. I think I should put Buddha and Socrates above him in those respects.)

[**Bertrand Russell** (1872- 1970), Triết gia, Nhà Toán học Anh, tác giả cuốn *Why I Am Not A Christian*: * *Quan điểm của tôi về tôn giáo giống như quan điểm của Lucretius. Tôi coi nó như là một bệnh chứng xuất phát từ sự sợ hãi và là nguồn gốc của sự khổ sở không thể kể được của loài người* (My own view on religion is that of Lucretius. I regard it as a disease born of fear and as a source of untold misery to the human race.) * *Nếu tôi nhớ không lầm, không có một lời nào trong các Phúc Âm ca tụng sự thông minh* (So far as I can remember, there is not one word in the gospels in praise of intelligence.) * *Đàn áp tôn giáo được sử dụng trong thần học chứ không ở trong số học* (Persecution is used in theology, not in arithmetic.)]

13. Giáo sư Saunders, Tổng Thư ký Văn hóa Y.M.C.A., India, Burma, Ceylon.

Không khó khăn gì khi chọn lựa đức Phật là một người được tôn sùng trong số những người vĩ đại của nhân loại.

(Lord Buddha could be very easily singled out as the one person known to man who received homage from the greatest number of mankind.)

14. Dr C.C. Jung (1875- 1961), Nhà Phân Tâm Học [*Swiss psychologist*]

Là một sinh viên về tôn giáo tử giáo, tôi tin rằng Phật Giáo là tôn giáo hoàn hảo nhất mà thế giới chưa từng có.

(As a student of comparative religions, I believe that Buddhism is the most perfect one the world has even seen.)

15. Albert Schweitzer (1875- 1965), Học giả người Pháp, Nhà Thần học và Triết Gia, [*French Scholar, Theologian and Philosopher, Winner of The Nobel Prize.*]

Ngài đem ý nghĩa những chân lý giá trị trường cửu và thúc đẩy đạo đức tiến bộ không chỉ cho riêng Ấn độ mà cho cả nhân loại. Đức Phật là một nhà đạo đức vĩ đại kỳ tài chưa từng thấy có trên hoàn vũ.

(He gave expression to truths of everlasting value and advanced the ethics not of India alone but of humanity. Buddha was one of the greatest ethical men of genius ever bestowed upon the world.)

16. Herman Hesse (1877- 1962), tác giả người Đức, giải Nobel, [*German author and winner of the Nobel Prize*]

Nay trong lãnh vực này, những bài Pháp của Đức Phật là một nguồn và mỏ (để khai thác) phong phú và sâu sắc chưa từng có. Nội dung trí thức trong giáo thuyết của Đức Phật chỉ là một nửa tác phẩm của Người, nửa kia là đời sống mà Người đã sống, và những thành quả của Người.

[Now in this realm Buddha's speeches are a source and mine of quite unparalleled richness and depth. The intellectual content of Buddha's teaching is only half his work, the other half is his life, his life as lived, as labour accomplished and action carried out.]

17. Albert Einstein (1879- 1955) , Vật Lý Gia Đức, Giải Nobel [*German physicist, Winner of the Nobel Prize*]

Tôn giáo tương lai sẽ là một tôn giáo chung cho cả vũ trụ. Tôn giáo đó phải vượt ra ngoài ý tưởng về một God và không cần để những tín lý và môn thần học.. Tôn giáo đó phải bao trùm cả hai lãnh vực tự nhiên và tâm linh, phải được đặt căn bản trên thực nghiệm về mọi sự việc, tự nhiên và tâm linh và sự hợp nhất đầy ý nghĩa. Phật giáo đáp ứng được các điều đó. Nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được những nhu cầu khoa học hiện đại thì đó là Phật Giáo.

[The religion of the future will be a cosmic religion. It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual and a meaningful unity. Buddhism answers this description. If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism.]

[**Albert Einstein** (1879- 1955), Khoa học Gia Do Thái, Thuyết Tương Đối: * *Tôi không thể quan niệm một Thượng đế thưởng phạt tạo vật của chính mình* (I cannot conceive of a God who rewards and punishes his creatures)

18. Tiến sĩ S. N. Dasgupta:

Không có một tôn giáo nào của Ấn Độ có trước Phật Giáo có thể nói là đã có thể thiết lập một quy tắc đạo đức và tôn giáo có giá trị phổ cập cho mọi người.

(None of the pre- Buddhist religions of India may be said to have been able to formulate a code of ethics and religion that was universally and compulsorily valid for all.)

19. Beatrice Webb (1881- 1943), Kinh tế gia và nhà xã hội người Anh [*British Economist, Socialist*].

Về phương diện lô- gíc và đạo đức thì Đức Phật đứng trên Chúa Ki Tô và triết lý của Đức Phật thì cao hơn những lời giảng dạy trong Tân ước. Không giống như niềm vui sướng thô thiển vĩnh viễn (trên thiên đường) và sự đầy đọa đời đời (dưới hỏa ngục) của giáo hội Ki- Tô, giáo lý về Nghiệp thì hòa hợp với những sự thừa nhận của khoa học hiện đại về tính phổ quát của luật nhân quả và tính bền bỉ của lực.

(The Buddha and his philosophy seemed logically and ethically superior to the Christ and the teachings of the New Testament. Unlike the crude eternal bliss and eternal damnation of the Christian Church, the doctrine of Karma seemed in harmony with such assumptions of modern science as the universality of causation and the persistence of force.)

20. Frederick Nietzsche (1884- 1900), Triết Gia Đức [German philosopher]

*Phật Giáo thì hiện thực hơn các tôn giáo khác cả trăm lần. **Khái niệm về God đã bị loại bỏ ngay lúc khái niệm này xuất hiện, không có chuyện phải cầu nguyện ơn trên.** Không có sự phân loại có tích cách bắt buộc. Hoàn toàn không có sự cưỡng chế, ngay cả trong cộng đồng những người tu hành. Do đó Phật Giáo không chống lại các tín ngưỡng khác. Giáo lý Phật Giáo không chống lại bất cứ cái gì vì giáo lý đó chống lại sự trả thù và lòng thù nghịch.*

[Buddhism is hundred times more realistic than other religions... The notion of God is done away with as soon as it appears, prayer is out of the question. No categorical imperative. No coercion at all, not even within the monastic community. Hence it also does not challenge to fight against those of different faiths. Its teaching turns against nothing so impressively as against the feeling of reventfulness, animosity.]

21. Will Durant (1885- 1981), Sử gia Mỹ, American Historian and Pulitzer Prize Winner

Đức Phật giảng dạy qua đàm luận, thuyết trình và các bài dụ. Người tuyên bố đã giác ngộ nhưng không phải là do linh cảm; Người không bao giờ cho rằng một vị thần nào đó đã truyền cảm cho người. Trong cuộc tranh luận Người đã tỏ ra kiên nhẫn và quan tâm đến người khác hơn bất cứ bất cứ vị Thầy vĩ đại nào khác của nhân loại.

[Buddha' taught through conversation, lecturers and parables. He claimed enlightenment but not inspiration; he never pretended that a god was speaking through him. In controversy he was more patient and considerate than any other of the great teachers of mankind.]

22. Tiến sĩ Ambedkar

Phật giáo là một phong trào dân chủ, Phật giáo tôn trọng dân chủ trong tôn giáo, dân chủ trong xã hội, và dân chủ trong chính trị.

[Buddhism was a democratic movement, which upheld democracy in religion, democracy in society, and democracy in politics.]

23. Giáo sư Julian Huxley (1887- 1975), Tổng Thư Ký UNESCO, British author, Zoologist and Director General of UNESCO

*Thật là một dấu chỉ đáng kể về sự suy tư tinh tế của người Ấn rằng Đức Cô Đàm đã có cái nhìn sâu xa hơn những nhà duy tâm hiện đại vĩ đại nhất. **Khuynh hướng về một tư tưởng giác ngộ ngày nay trên khắp thế giới không hướng về thần học, mà về triết học và tâm lý học.** Tiếng ồn ào của quan niệm nhị nguyên thần học trôi dạt vào sự nguy hiểm. Những nguyên lý căn bản của thuyết tiến hóa và nhất nguyên luận đã được chấp nhận bởi các nhà tư tưởng.*

[It is a remarkable indication of the subtlety of Indian speculation that Gautama should have seen deeper than the greatest of modern idealists. The tendency of enlightened thought of today all the world over is not towards theology but philosophy and psychology. The bark of theological dualism is drifting into danger. The fundamental principles of evolution and monism are being accepted by the thoughtful.]

24.C. D. Broad (1887- 1971), Triết gia Anh, British Philosopher

Tôn giáo lớn duy nhất hấp dẫn đối với tôi là Phật Giáo; và theo tôi hiểu, thì tôn giáo đó là một triết lý của thế giới, một đường sống để cho để con người xây dựng trên đó, thay vì là một tôn giáo theo nghĩa thông thường của thế giới.

[The only one of the great religions which makes any appeal to me is Buddhism; and that, as I understand it, is rather a philosophy of the world, and a way of life for the elite founded upon it, than a religion in the ordinary sense of the word.]

25. - Tiến sĩ W. F. Jayasuriya, trong cuốn "*Tâm lý và Triết lý Phật giáo*"

Phật giáo là một tôn giáo tự giác, ít lễ nghi. Một hành động được thực thi với chính sự suy tư thì tự nó đã điều kiện hóa để không còn là một nghi lễ. Phật giáo nhìn bề ngoài có vẻ nhiều nghi lễ nhưng thực ra không phải như vậy.

[Buddhism is thus a religion, and there is a little room in it for ritual and ceremony. An act done with an idea of one's own conditioning ceases to be a rite. Much of the seemingly ritual of present-day Buddhism, when seen thus are really not rites.]

26.Jawaharlal Nehru(1889- 1964), Thủ Tướng Ấn Độ (Indian Prime Minister)

**Nếu một vấn đề nào đó cần được xét đến, vấn đề đó phải được xét đến trong hài hòa và dân chủ theo đường lối dạy bảo của đức Phật.*

[If any question has to be considered, it has to be considered peacefully and democratically in the way taught by the Buddha]

**Đức Phật vĩ đại hơn tất cả các lý thuyết và tín điều, thông điệp vĩnh hằng của Ngài đã làm rung động nhân loại qua các thời đại. Có lẽ không một thời điểm nào trong lịch sử quá khứ mà thông điệp hòa bình của Ngài lại cần thiết hơn cho nhân loại đang đau khổ và cuồng loạn như hiện nay.*

[The Buddha has been something greater than all doctrine and dogma, and his eternal message has thrilled humanity through the ages. Perhaps at no time in past history was his message of peace more needed for a suffering and distracted humanity than it is today.]

27.Arnold Toynbee (1889- 1975), Sử gia Anh, British historian

Phật Giáo đã biến đổi mọi nền văn hóa mà Phật Giáo đi tới, và Phật Giáo cũng biến đổi khi đi vào nền văn hóa đó. Phật Giáo đến với Tây phương có thể coi như là một biến cố quan trọng nhất trong thế kỷ 20.

[Buddhism has transformed every culture it has entered, and Buddhism has been transformed by its entry into that culture The coming of Buddhism to the West may well prove to be the most important event of the Twentieth Century.]

28. Aldous Huxley (1894- 1963), Tư tưởng gia Anh, British author, Playwright and thinker

*Quan niệm hiện đại về mối liên hệ trí thức của con người với vũ trụ đã được Đức Phật thảo luận trước qua giáo thuyết của Phật Giáo về sự ham muốn là nguồn gốc của ảo tưởng. Khi con người vượt thắng được sự ham muốn thì đầu óc con người được giải thoát khỏi ảo tưởng. Điều này đúng không chỉ đối với nhà khoa học, mà còn đúng với người nghệ sĩ hay triết gia. Sự vô chấp toàn hảo đòi hỏi những người khao khát nó, không chỉ là lòng từ bi, mà còn là sự thông minh để nhận thức được những uẩn hàm tổng quát của từng hành động, nhìn cá thể trong một hệ thống những mối liên hệ với xã hội và vũ trụ mà hẳn ta chỉ là một phần tử. Về phương diện này, đối với tôi, **Phật Giáo đã tự chứng tỏ là dứt khoát cao hơn Ki Tô Giáo.***

[The modern conception of man's intellectual relationship to the universe was anticipated by the Buddhist doctrine that desire is the source of illusion. To the extent that one has overcome desire, a mind is free from illusion. This is true not only of the man of science, but also the artist and the philosopher. Perfect non-attachment demands of those who aspire to it, not only compassion and charity, but also the intelligence that perceives the general implications of particular acts, that sees the individual being within the system of social and cosmic relations of which he is but a part. In this respect, it seems to me, Buddhism shows itself decidedly superior to Christianity.]

29.R. Buckminster Fuller (1895- 1984), Nhà phát minh và triết gia Mỹ, American Inventor, Social Engineer and Philosopher

Có thể có một ý nghĩa to lớn trong sự kiện là Pythagore ở Hi Lạp và Đức Phật ở Á Đông đã sinh ra cùng thời vào thế kỷ 6 trước Tây Lịch. Cả hai đều là những con người hoạt động hùng mạnh, nhận thức sâu sắc, đi ra khỏi một quá khứ lịch sử mà trong đó chỉ có các vua chúa mới đáng kể và con người chỉ là những con tốt đen có thể hy sinh, đã cung cấp cho nhân loại những lợi khí của toán học và triết lý để cho con người dùng về sau vĩnh viễn.

[There may be a great significance in the fact that Pythagoras in Greece and the Buddha in the Orient occur at the same time in the sixth century B.C. Both are powerfully, perceptively thinking and acting human individuals who, coming out of a past in which only mystically ordained kings counted and humans were omniexpensible pawns, produced mathematical tools and philosophies forever thereafter to employ.]

30. J. Krishnamuri, Triết Gia Ấn, *Indian philosopher (1895- 1986)*

Nếu tôi biết là Đức Phật sẽ thuyết giảng ở đây ngày mai thì không có gì trên thế gian này có thể ngăn cản tôi đến nghe Người. Và tôi sẽ theo Người suốt đời.

[If I knew the Buddha would be speaking here tomorrow, nothing in the world could stop me from going to listen to him. And I would follow him to the very end.]

31. Lâm Ngữ Đường, Lin Yutang (1895- 1976), Tư tưởng gia Trung Quốc, Chinese writer thinker, journalist and playwright

Phật Giáo đã chinh phục Trung Quốc như là một triết lý và một tôn giáo, là một triết lý cho các học giả và là một tôn giáo cho những người bình dân. Trong khi Khổng Giáo chia có một triết lý về đạo đức, Phật Giáo còn có một phương pháp lô- gíc, một môn siêu hình học và một lý thuyết về kiến thức.

[Buddhism has conquered China as a philosophy and as a religion, as a philosophy for the scholars and a religion for the common people. Whereas Confucianism has only a philosophy of moral conduct, Buddhism possesses a logical method, a metaphysics and a theory of knowledge.]

32. Marie B. Byles (1900- 1979), tác giả người Úc, Australian author and mountaineer

Người Tây phương mới đầu đến với Phật Giáo có thể quen thuộc, hoặc với khoa học hiện đại, hoặc với thuật ngữ Ki Tô Giáo, hẳn ta nên luôn luôn ghi nhớ trong óc là Đức Phật không quan tâm đến sự hiện hữu hay không hiện hữu của một Đấng Tối Cao hay bất cứ đề xuất triết lý trừu tượng nào. Người chỉ quan tâm đến con đường, con đường thực tiễn, theo đó sự khổ có thể chấm dứt, trong đời này cũng như đời sau.

[Whether the Westerner who first approaches the Buddha's teachings be accustomed to modern scientific or to Christian terminology, he should always bear in mind that the Buddha was not interested in the existence or non- existence of a Supreme Being or any other abstract philosophical proposition. He was interested only in the Way, the practical way, by which suffering may be ended, both here and hereafter.]

33. Erich Fromm (1900- 1980), Nhà Phân Tâm Học và triết gia Đức, German American Psychoanalyst and Social Philosopher

Phật Giáo giúp con người tìm ra một giải đáp cho sự hiện hữu của chính mình, tuy nhiên giải đáp đó không mâu thuẫn với sự hợp lý, sự hiện thực, và tính độc lập, những thành quả quý báu của con người hiện đại. Nghịch lý thay, tư tưởng tôn giáo Đông phương lại thích hợp với tư tưởng thuần lý của Tây phương hơn là tư tưởng tôn giáo của chính Tây phương.

[Buddhism helps man to find an answer to the question of his existence, yet which does not contradict the rationality, realism, and independence which are modern man's

precious achievements. Paradoxically, Eastern religious thought turns out to be more congenial to Western rational thought than does Western religious thought itself.]

34. Justice Christmas Humphreys (1901- 1983), Chánh án người Anh, Eminent British Judge

Phật giáo là một hệ thống tư tưởng, một tôn giáo, một khoa học về tâm linh, một lối sống hữu lý, thực dụng và bao quát. Trong 2500 năm Phật giáo đã thỏa mãn nhu cầu tinh thần của gần một phần ba nhân loại. Tôn giáo này hấp dẫn đối với những người đi tìm chân lý vì Phật giáo không có những tín lý, đáp ứng được những nhu cầu về lý trí cũng như về tâm linh của con người, nhấn mạnh về lòng tự tin đi đôi với độ lượng đối với những quan điểm khác, bao gồm khoa học, tôn giáo, triết học, tâm lý học, huyền nhiệm, đạo đức và mỹ thuật, nhằm vào riêng con người là kẻ sáng tạo ra chính đời nay của mình và cũng chính mình là người phác họa ra số mạng của mình.

[Buddhism is a system of thought, a religion, a spiritual science and a way of life which is reasonable, practical and all- embracing. For 2,500 years it has satisfied the spiritual needs of nearly one third of mankind. It appeals to those in search of truth because it has no dogmas, satisfies the reason and the heart alike, insists on self- reliance coupled with tolerance for other points of view, embraces science, religion, philosophy, psychology, mysticism, ethics and art, and points to man alone as the creator of his present life and sole designer of his destiny.]

35. Nancy Wilson Ross (1901- 1986), Ký giả Mỹ, American Journalist, War Correspondent and Author.

Về sự thiết lập Tăng đoàn Phật Giáo, Arnold Toynbee nói rằng đó là một thành quả xã hội lớn lao hơn là sự thành lập hàn lâm viện Plato.

[Of the establishment of the Buddhist Sangha, Arnold Toynbee has said that it was a greater social achievement than the founding of the Platonist academy in Greece.]

36. J. Robert Oppenheimer (1904- 1967), Vật Lý Gia Mỹ, American Physicist

“Thí dụ, nếu chúng ta hỏi, phải chăng vị trí của điện tử (electron) không thay đổi? chúng ta phải trả lời “không phải vậy”; phải chăng vị trí của điện tử thay đổi với thời gian? chúng ta phải trả lời “không phải vậy”; phải chăng điện tử đứng yên? chúng ta phải trả lời “không phải vậy”; phải chăng điện tử đang di chuyển? chúng ta phải trả lời “không phải vậy”. Đức Phật đã trả lời như vậy khi được hỏi về tình trạng của cái ngã của con người sau khi chết; nhưng những câu trả lời này không quen thuộc trong truyền thống của khoa học trong thế kỷ 17 và 18.”

[If we ask, for instance, whether the position of the electron remains the same, we must say 'no'; if we ask whether the electron's position changes with time, we must say

'no'; if we ask whether the electron is at rest, we must say 'no'; if we ask whether it is in motion, we must say 'no'. The Buddha has given such answers when interrogated as to the conditions of a man's self after his death; but they are not familiar answers for the tradition of seventeenth and eighteenth century science.]

37. Giáo sư Steve Hagen, trong cuốn “*Phật Giáo, rõ ràng và đơn giản*” (Buddhism: Plain & Simple)

Phật giáo thực sự không phải là một chủ thuyết (Một “ism”). Phật giáo là một quá trình, một sự tỉnh thức, một sự mở rộng lòng, một tinh thần tìm hiểu – không phải là một hệ thống đặt tất cả trên niềm tin, hay ngay cả (như chúng ta thường hiểu) là một tôn giáo. Đúng hơn phải gọi Phật Giáo là “sự giảng dạy của bậc tỉnh thức”, hoặc “Phật Pháp”.

[Real Buddhism is not really an “ism”. It’s a process, an awareness, an openness, a spirit of inquiry – not a belief system, or even (as we normally understand it) a religion. It is more accurate to call it “the teaching of the awakened,”, or the Buddha- Dharma]

38. J. Bronowski (1908- 1974), Tác giả và Triết Gia Kho Học Mỹ. American Author and Philosopher of Science

Sự tiến hóa của con người gần đây chắc chắn là bắt đầu bằng sự phát triển của đôi tay, và sự chọn lọc của bộ óc, đặc biệt dùng để điều khiển đô tay. Chúng ta cảm thấy vui sướng trong những hành động của chúng ta, cho nên đối với nhà mỹ thuật bàn tay là một biểu tượng chính; thí dụ bàn tay của Đức Phật đã cho con người món quà tặng của nhân loại trong một cử chỉ an lạc, món quà của vô úy.

[The recent evolution of man certainly begins with the advancing development of the hand, and the selection of a brain, which is particularly adept at manipulating the hand. We feel the pleasure of that in our actions, so that for the artist the hand remains a major symbol; the hand of the Buddha, for instance, giving man the gift of humanity in a gesture of calm, the gift of fearlessness.]

39. U Thant (1910- 1974), Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Burmese Educator, Diplomat and Secretary General of the United Nations

Là một Phật tử, tôi được đào tạo để có tinh thần khoan nhượng với mọi thứ trừ sự bất khoan nhượng. Tôi được nuôi nấng không chỉ để phát triển lòng khoan dung, mà còn trân quý những giá trị tâm linh vào đạo đức, đặc biệt là lòng khiêm nhường, nhân ái, từ bi, và, quan trọng nhất là, đạt tới một trình độ nào đó về cân bằng nội tâm.

[As a Buddhist, I was trained to be tolerant of everything except intolerance. I was brought up not only to develop the spirit of tolerance, but also to cherish moral and

spiritual qualities, especially modesty, humanity, compassion, and, most important, to attain a certain degree of emotional equilibrium.]

40. Tiên sĩ E. F. Schumacher, CBE. (1911- 1977), Học Giả Anh, British Rhodes Scholar, Economist, Journalist and Economic Adviser to The National Coal Board from 1950- 1970

Trong khi những người theo chủ nghĩa vật chất chỉ quan tâm đến vật chất thì Phật Giáo quan tâm chính đến sự giải thoát. Nhưng Phật Giáo là “Trung Đạo” cho nên Phật Giáo không đối kháng với sự thoải mái về vật chất. Không phải là của cải ngăn cản con đường giải thoát mà là sự chấp vào của cải, không phải là sự hưởng những thú vui lành mạnh mà là sự ham muốn những thú vui này.

[While the materialist is mainly interested in goods, the Buddhist is mainly interested in liberation. But Buddhism is 'The Middle Way' and therefore in no way antagonistic to physical well-being. It is not wealth that stands in the way of liberation but the attachment to wealth; not the enjoyment of pleasurable things but the craving for them.]

41. Linh mục Thomas Merton (1915- 1968), American Catholic Priest, Author and Social Critics

Phật Giáo là một trạng thái của tâm hơn là một định chế chính thống có tổ chức. Phật Giáo không đặt mục đích trên một sự giải thoát thần học mà là sự làm sáng tỏ hoàn toàn tâm thức. Phật Giáo là một cách sống hơn là con đường thờ phụng.

[Buddhism is much less a matter of organized and institutional orthodoxy than a state of mind. Buddhism does not aim directly at theological salvation but a total clarification of consciousness. It is not so much a way of worshipping as a way of being.]

42. Egerton C. Baptist (1915- 1983), Học giả, tác giả cuốn "Supreme Science of the Buddha"

Phật Giáo bắt đầu ở chỗ khoa học chấm dứt. Khoa học không cho chúng ta sự bảo đảm gì ở nơi đây. Nhưng Phật Giáo có thể đáp ứng sự thách thức của thuyết nguyên tử, vì kiến thức ở trên mức bình thường của Phật Giáo bắt đầu ở nơi mà khoa học chấm dứt. Và điều này khá rõ ràng cho bất cứ ai đã nghiên cứu về Phật Giáo. Bởi vì, qua thiên định, những cấu tử cơ nguyên tử tạo thành vật chất đã được thấy và cảm nhận, và những sự khổ, với sự sinh và diệt của chúng, đã tự tạo ra trong cái mà chúng ta gọi là linh hồn hay ngã - ảo tưởng của chấp ngã, như giáo lý của Đức Phật dạy.

[Buddhism begins where science ends. Science can give no assurance herein. But Buddhism can meet the Atomic Challenge, because the supramundane knowledge of Buddhism begins where science leaves off. And this is clear enough to anyone who has

made a study of Buddhism. For, through Buddhist Meditation, the atomic constituents making up matter have been seen and felt, and the sorrow, or unsatisfactoriness (or Dukkha), of their 'arising and passing away' (dependent on causes) has made itself with what we call a 'soul' or 'atma' - the illusion of Sakkayaditthi, as it is called in the Buddha's teaching."]

43. John H. Garabedian & Orde Coombs, tác giả, trong cuốn *Eastern Religions In The Electric Age*:

Chúa Ki- Tô đã chết – Phật còn sống.

[Christ is dead – Buddha Lives]

44. L. Adam Beck, Tác giả Mỹ, An American Traveler and author

Những giáo lý của vị Hoàng tử Ấn Độ thực sự không có gì phải e ngại khoa học. Phật Giáo là, trong mọi trường hợp, một chân lý đã không chỉ ảnh hưởng đến những tư tưởng gia xuất sắc của Hi Lạp và Rô- ma, mà còn đến những giáo lý Ki Tô thuở ban đầu – sinh sau Phật Giáo khoảng năm, sáu trăm năm. Phật Giáo dạy từ ái đối với mọi niềm tin, không bạo hành và chống đối niềm tin nào khác với Phật Giáo, và đó là những điều có thể thấy dễ dàng trong giáo lý của Phật Giáo.

[The teachings of the Indian Prince has indeed nothing to dread from science. Buddhism is, at all events, a truth which influenced not only the mightiest thinkers of Greece and Rome, but also the beginnings of Christian teachings - which it antedated by five or six hundred years. It may well claim kindred with all the great faiths, persecuting and opposing none which differ with it, and this for reasons which are easily seen in the teachings themselves.]

45. Tiến sĩ Amadou- Mahtar, M 'Bow, Director - General, UNESCO

Thông điệp của Đức Thế Tôn về chân lý, hòa bình, từ bi và lòng khoan nhượng nay vẫn thích hợp như đã từng thích hợp trong nhiều thế kỷ trước. Thời gian qua đã làm cho ánh hồng của Phật Giáo ngày càng sáng chói hơn. Chủ nghĩa vật chất lan tràn và sự theo đuổi sự thành công cá nhân với mọi giá đã làm xói mòn tình huynh đệ và cộng đồng. Trong những trường hợp như vậy, cần phải nhớ và truyền bá thông điệp về từ bi của Đức Phật sao cho sự thù hận có thể được thay thế bởi lòng thương yêu, thay thế tranh đấu bằng hòa bình, và đối đầu bằng sự hợp tác.

[Lord Buddha's message of truth, peace, compassion and tolerance is as relevant as it was many centuries ago. The passage of time has made its flame shine with greater luminosity. Rampant materialism and the pursuit of individual success at all costs have eroded the ties of brotherhood and community. In these circumstances, it is necessary to remember and propagate the message of compassion of Lord Buddha so that hatred can be replaced by love, strife by peace and confrontation by co- operation.]

46. Javier Perez De Cuellar, *Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Secretary General of United Nation*

Thông điệp của Đức Phật về từ bi và hiến thân phục vụ nhân loại thì nay thích ứng hơn bao giờ hết trong lịch sử. Hòa bình, được hiểu như là viễn tượng vượt lên trên ranh giới quốc gia là vấn đề cấp bách cho thời đại nguyên tử bất an của chúng ta.

[Buddha's message of compassion and devotion to the service of humanity is more relevant today than at any other time in history. Peace, understanding and a vision that transcends purely national boundaries are imperatives of our insecure nuclear age.]

47. Andrew Harvey, tác giả người Anh, British author, poet and Fellow of All Souls College, Oxford

Tôi thấy triết lý Phật Giáo là luồng tư tưởng làm cho tôi mê bởi sự phân tích bình tĩnh và căn bản về lòng ham muốn, sự từ bỏ của Phật Giáo về mọi cường độ tự làm cho mình bi thảm mà tôi đã sống theo đó, và sự hứa hẹn của Phật giáo về khả năng đạt được một sự thành thật mạnh mẽ vô tư.

[I found Buddhist philosophy is a way of thought that enthralled me by its calm and radical *analysis of desire, its rejection of all the self-dramatisiting* intensities by which I lived, and its promise of a possible strong and unsentimental sincerity.]

48. Robert J. Hawke, Thủ Tướng Úc, Rhodes Scholar, Trade Union Leader from 1983 and Prime Minister of Australia

*Quan niệm của Phật Giáo về chúng ta tiến tới trạng thái không thể mô tả được qua một số kiếp thì về phương diện trí thức thỏa mãn đầu óc của tôi hơn là niềm tin trong Ki Tô Giáo, rằng chúng ta chỉ sinh ra có một lần và được ném vào những trường hợp có thể rất giàu có hay vinh quang, nhưng chúng ta hoặc đến với Thiên Chúa hoặc không là đặt căn bản trên một đời sống đó. **Tôi chưa đến độ theo Phật Giáo nhưng tôi thấy rằng, và vẫn thấy như vậy, Phật Giáo thì vô cùng hợp ý hơn là triết lý của Do Thái – Ki Tô.***

[Buddhist concept that you progress towards the Ineffable through a number of existences seemed to me much more intellectually satisfying than the Christian belief that you come just once and are cast into circumstances maybe of great wealth or of great moment, but that you come to God or don't come to God on the basis of that one life. I was never on the point of embracing Buddhism but I found, and still find, it infinitely more satisfying than the Judeo- Christian philosophy.]

49. Gnanatiloka, học giả người Đức:

Một số người cho rằng Phật Giáo là một tôn giáo tối tăm buồn tẻ. Không phải vậy, tôn giáo này sẽ làm cho các tín đồ sáng dạ và vui tươi. Khi chúng ta đọc

những chuyện sinh ra đời của Bồ Tát, vị Phật tương lai, chúng ta biết được rằng các Ngài đã tu tập hạnh kiên nhẫn và chịu đựng để hoàn thiện như thế nào, điều này sẽ giúp chúng ta vui vẻ ngay cả trong lúc chúng ta gặp những khó khăn và hoan hỉ trong sự an sinh của tha nhân.

[Some people think that Buddhism is a dark and melancholy religion..It is not so; it will make its followers bright and cheerful.When we read the birth stories of Boddhisatva, the future Buddha, we learn how He cultivated the perfection of patience and forbearance, it will help us to be cheerful even in the midst of great troubles and to take delight in other's welfare>]

50. Prof. Walter Kaufmann, Triết gia Mỹ, American philosopher and author .

Phao- Lô ghép tình yêu thương với đức tin và hi vọng, và nhận thức của ông ta về tình yêu thương dính líu tới đức tin và hi vọng. Ông ta nói, “tình yêu thương” là “tin vào mọi thứ, hi vọng vào mọi thứ”. Tình yêu thương tôi muốn nói đến không tin vào mọi thứ, hi vọng mọi thứ. Tình yêu thương không phải là thứ tình yêu thương mất đi khi không có hi vọng hay đức tin. Khi nào mà tình yêu thương còn cần đến sự ủng hộ của đức tin và hi vọng, thì nó chẳng hơn gì tình yêu rỗng tuếch của con trẻ. Đức Phật biết rằng tình yêu thương mang đến “sự đau lòng và khổ sở, đau khổ, nuối tiếc và thất vọng; và Người đã khuyên chúng ta đừng bị ràng buộc vào nó. Tình yêu thương mà tôi coi như là một đức tính không phải là tình yêu thương mù quáng của những tình nhân hay lòng tin cậy, tình yêu thương với hi vọng của Phao- Lô, mà là tình yêu thương mà Đức Phật biết và vẫn yêu, với đôi mắt mở to..

[Paul couples love with faith and hope, and his conception of love involves faith and hope: "Love," he says, "believes all things, hopes all things." The love I mean does not believe all things and hope all things. It survives disillusionment and persists in despair. Love is not love that ceases without hope or faith. As long as faith and hope support it, it is hardly more than puppy love. The Buddha knew that love brings "hurt and misery, suffering, grief and despair"; and he advised detachment. The love I consider a virtue is not a blind love of the lovers or the trusting, hopeful love of Paul, but the love that knows what the Buddha knew and still loves, with open eyes.]

51. William Mac Quilty, Thuộc Hiệp Hội Địa Dư Hoàng Gia Anh, British Award winning film maker, Traveller and Fellow of The Royal Geographical Society.

Ngày nay khoa học đang thách đố tính chất hữu hạn của bộ óc con người, một bộ óc gồm có khoảng mười tỷ tế bào có thể kích thích bằng điện đã được đặt chương trình với những bản năng của chiều dài lịch sử và nhận thức được những khái niệm mới là đúng hay sai. Toàn bộ những tế bào này tạo nên nhân cách luôn thay đổi của chúng ta và bị cắt đi một phần bởi phẫu thuật hay thay đổi nhịp độ bằng những “sốc điện” sẽ thay đổi tính tình của chúng ta. Bằng những phương

pháp thô thiển đó, lòng hiếu chiến có thể trở thành sợ hãi, lòng hận thù có thể trở thành lòng yêu thương – nhưng thật là tốt hơn nhiều những tính tình này được thay đổi bởi sự nhận thức sâu sắc về những thực tại mà triết lý của Đức Phật đã đặt trong tay của chúng ta.

[Today science is challenging the finite quality of the human brain, a brain consisting of some 10,000 million electrically stimulated cells programmed with the instincts of our long history and receptive to new notions whether true or false. The aggregate of these cells provides our ever-changing personality and their partial removal by surgery or altered rhythm by shock treatment changes our character. By such crude methods, aggression can be turned into fear, hatred to affection - how much better that they should be changed by appreciation of the realities that the philosophy of Buddha has placed in our hands.]

52. Juan Mascan, Nhà Giáo Dục Tây Ban Nha, Spanish Academic and Educationalist, Lecturer at Cambridge University

Thông điệp của Đức Phật là một thông điệp hi vọng. Người đã kiếm ra một kho châu báu và Người muốn chúng ta hãy đi theo con đường dẫn tới kho châu báu đó. Người bảo chúng ta là chúng ta đang sống trong sự tối tăm sâu thẳm, nhưng Người cũng bảo chúng ta là có một con đường dẫn tới ánh sáng. Người muốn chúng ta trôi giạt từ một đời sống mộng tưởng lên một đời sống cao hơn, một đời sống mà con người có tình thương yêu mà không có sự thù hận, con người giúp đỡ lẫn nhau mà không gây phương hại cho nhau. Lời kêu gọi của Người thì phổ quát, vì Người kêu gọi đến lý trí và đến khả năng tiềm ẩn trong mọi người chúng ta: chính chúng ta phải cố gắng. Đức Phật vĩ đại trong quá khứ chỉ chỉ đường. Người đã đạt được một viễn tượng hòa hợp cao siêu và trí tuệ bằng cách đặt chân lý tâm linh qua kinh nghiệm; và chỉ có kinh nghiệm mới có thể thỏa mãn đầu óc của con người hiện đại. Người muốn chúng ta phải quan sát và tỉnh thức và Người muốn chúng ta hãy tìm kiếm và thấy.

[The message of the Buddha is a message of joy. He found a treasure and he wants us to follow the path that leads us to the treasure. He tells man that he is in deep darkness, but he also tells him that there is a path that leads to light. He wants us to arise from a life of dreams into a higher life where man loves and does not hate, where a man helps and does not hurt. His appeal is universal, because he appeals to reason and to the universal is us all: It is you who must make the effort. The Great of the past only show the way.' He achieved a superior harmony of vision and wisdom by placing spiritual truth on the crucial test of experience; and only experience can satisfy the mind of modern man. He wants us to watch and be awake and he wants us to seek and to find.]

53. Peter Mathiessen American Novelist, Naturalist and Explorer. Winner of The National Book Award in 1979

I have so often tried to isolate the quality of "Zen" * which attracted me so powerfully to its literature and later to the practice of zazen #. But since the essence of Zen might well be what one teacher called the moment- by- moment awakening of mind, there is little that may sensibly be said about it without succumbing to that breathless, mystery-ridden prose that drives so many sincere aspirants in the other direction. In zazen, one may hope ~ penetrate the ringing stillness of the universal mind.

54. Prof. Jacob Needleman, Học giả, Giáo sư Triết, Scholar, Author and Professor for philosophy at San Francisco State College

Trong những nhà tôn giáo lớn trên thế giới, không có người nào là hiện thân và sống với ý tưởng là thực thể chung cùng thì ngoài khả năng của đầu óc bình thường một cách trong sáng và tập trung tư tưởng như Đức Phật. Điều này phần nào giải thích tại sao những bài thuyết Pháp của Đức Phật không nói gì về, thí dụ như sự hiện hữu của một Đấng Cao Siêu hay về đời sống bất diệt..

[Of all the great religious teachers of the world, none has incarnated and lived the idea that ultimate reality is beyond the grasp of the ordinary mind with such purity and concentration as the Buddha. This, in part, explains why the Buddha's discourses say nothing about the existence of a Supreme Being, for example, or about immortality . .]

55. Lucien Stryk, tác giả , thi sĩ Mỹ, American author, poet and Winner of Isaac Rosenbaum Poetry Award

Phật Giáo, tốt đẹp hầu hết các tôn giáo khác, có vẻ như thích ứng với đời sống hiện đại. Nhiều người cho rằng Phật Giáo là như vậy, ngoài các điều khác, không chỉ là một phương pháp tự tìm hiểu chính mình, mà còn là nguồn những ý kiến để định hướng xã hội chưa hề có sự tương đương trong Tây phương.

[Buddhism, better than most religions, seems to have adapted to modern life. Many considering it to be, among other things, not only a method of self discovery but a source of ideas for social orientation without equal in the West.]

56. Robert H Thouless, Học Giả Ki- Tô người Anh, MA., PhD, Sc.D. British. Distinguish Christian scholar, author, Fellow of the British Psychological Society and Fellow of Corpus Christi College, Cambridge.

Tôi tin rằng Phật Giáo rất thích hợp với tư tưởng của thời đại này. Căn bản là, những tư tưởng của Phật Giáo thì cùng loại với những đường lối suy nghĩ trong khoa học.

[I believe that Buddhism is very relevant to the thought of the present day. Basically, its thought is familiar to us because it is the same kind of thinking as that employed in science.]

57. Prof. Hugh Tinker, Giáo sư đại học Luân Đôn, Professor of government and politics at the school of Orient and African Studies, London University

Thời kỳ giữa thế kỷ 7 và 5 trước thời đại thông thường [Before Common Era] đã thấy xuất hiện một nhân vật vĩ đại nhất, "Ánh Sáng Của Á Châu": Đức Phật Cồ Đàm. Một giáo lý diệt trừ tham, sân si, trong đó một Thiên Chúa toàn năng không có chỗ đứng, có vẻ như là yếm thế, tuy nhiên Phật Giáo không phải là tôn giáo tiêu cực mà đặt nặng trên ý chí tự do và lòng khiêm nhường. Sự quan trọng của lòng từ bi. Lòng từ thiện và cúng dường, tất cả tổ hợp lại để tạo ra một tôn giáo của sự đầm ấm và tình thương yêu.

[The period between the seventh and fifth century BCE saw the birth of the greatest of all, 'the Light of Asia' Gautama the Buddha . . . A doctrine of annihilation of greed, hatred and delusion, in which an omnipotent God has no place, might seem one of profound pessimism, yet Buddhism was saved from being negative by the emphasis placed on free- will and humility. The importance of compassion, of charity and alms giving, all combined to generate a religion of warmth and love.]

58. Paul Carus, tác giả cuốn sách nổi tiếng *"The Gospel of Buddha"* , một cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng như Nhật, Trung Hoa, Đức, Pháp, Tây Ba Nha v...v...và là người đã bảo trợ cho Daisetz Suzuki sang Mỹ để truyền bá đạo Phật mà ông gọi là *"Tôn Giáo của Khoa Học"* tuy ông không phải là một Phật tử. Paul Carus cho rằng: *"Nếu các tôn giáo cổ Tây Phương được tinh khiết hóa bằng cách bỏ đi những sai lầm, nghĩa là những mê tín và điều vô lý trong đó, thì có thể hòa hợp được với Khoa học"*. Paul Carus đã tán tụng Đức Phật như là: *"Người đầu tiên thực chứng; người đầu tiên phát triển chủ nghĩa nhân đạo; người đầu tiên có tư tưởng tự do cấp tiến; người đầu tiên đã phá Thần tượng; và là nhà tiên tri đầu tiên về tôn giáo của khoa học."*

59. Tiến sĩ E. Graham Howe, Bác sĩ người Anh, MB. BS. DPM. , Eminent British Physician

"Đọc một chút về Phật Giáo ta cũng có thể nhận thức được rằng, từ 2500 năm trước, Phật Giáo đã biết về những vấn đề mới về tâm lý nhiều hơn là chúng ta thường biết tới. Họ nghiên cứu những vấn đề này từ lâu và cũng đã tìm raphương thức giải quyết chúng. Ngày nay chúng ta chỉ khám phá lại trí tuệ thông thái cổ xưa của Đông phương."

(To read a little Buddhism is to realize that the Buddhists knew, 2,500 years ago, far more about modern problems of psychology than they have been given credit for. They studied these problems long ago and found the answers also. We are now rediscovering the ancient wisdom of the East.)

60. Sangharakshita, Học giả Anh, trong cuốn *"Phật Giáo và Tây Phương: Sự Hội Nhập của Phật Giáo Vào Xã Hội Tây Phương"* (Buddhism and The West: The Integration of Buddhism into Western Society), giải thích như sau:

Trong 2500 năm lịch sử, bất cứ tới đâu thì Phật Giáo cũng nhập vào nền văn hóa địa phương một cách phong phú và sinh động. Đối với Phật Giáo thì điều này có nghĩa là Phật Giáo có những dạng bày tỏ ý kiến và truyền thông mới cũng như những phương pháp truyền đạo khác biệt nhau một cách đáng kể. Phật Giáo đã mang tới những xã hội địa phương những lý tưởng mới, ý tưởng mới, lối sống đạo đức mới, và đời sống xã hội, văn hóa, nghệ thuật mới mẻ - thường là một sự biến đổi tận gốc.

Ngày nay Phật Giáo đang đi tới Tây phương, và căn cứ trên cách chấp hành nghiêm chỉnh những nguyên tắc và thực hành Phật Giáo của những người Tây phương thì chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa là lịch sử sẽ lại tái diễn. Phật Giáo đang tiến tới sự hội nhập vào các xã hội Tây phương.

(Wherever Buddhism has traveled during its 2500 year history it has entered into a rich and dynamic relationship with its host cultures. For Buddhism this has meant new forms of expression and communication as well as considerable differences in emphasis and approach. To its surrounding societies have come new ideals, new ideas, new ethical standards, fresh social, cultural, artistic life - indeed, rarely anything less than radical transformation.

Now Buddhism is coming to the West, and judging from the seriousness with which many Westerners are taking to its principles and practices, there can be no doubt that history is going to repeat itself. Buddhism is about to become integrated into Western society.)

61. Joseph L. Daleiden, một học giả Ca- Tô, trong cuốn *Sự Mê Tín Cuối Cùng* (The Final Superstition), xuất bản năm 1994, sau khi phân tích và đánh giá cái gia tài Do Thái - Ki Tô (A Critical and Evaluation of the Judeo- Christian Legacy), đã đề nghị những *Tín Ngưỡng Khác Thay Cho Thần Giáo* (Alternatives to Theism). Về Phật Giáo tác giả viết, trang 424:

Lời giới thiệu hay nhất về Phật Giáo là, giống như Khổng giáo, hệ thống tín ngưỡng này đã hiện hữu trong 25 thế kỷ mà không hề có một cuộc Thánh Chiến, một Tòa Án Xử Dị Giáo, hay một toan tính đế quốc nào nhằm xâm chiếm và phá hủy nền văn hóa của một dân tộc khác. (Những sản phẩm đặc thù của Ki Tô Giáo. TCN)

(The best recommendation for Buddhism is that, like Confucianism, this belief system has existed for twenty- five centuries without a single Crusade, Inquisition, or imperialist attempt to invade and destroy the culture of another people.)

62. William Hunter trong cuốn *Lược Sử Dân Tộc Ấn Độ* (A Brief History of the Indian People):

Tất cả những tôn giáo Á Đông đều phải biết ơn Phật Giáo về giáo lý đạo đức cao quý nhất mà giá trị của tôn giáo này còn hữu hiệu cho tới ngày nay, mà tột

đỉnh của giáo lý này là lòng từ bi đối với mọi chúng sinh, giáo lý của Đấng Toàn Giác.

(All Asiatic religions are indebted to Buddhism for the noblest moral element that is effective even today, which culminates in kindness to all that lives and breathes, the doctrine of the perfectly Awakened One)

63. Giáo sư P. V. Bapat trong cuốn “2500 Phật Giáo” (2500 years of Buddhism):

**Không có một trang lịch sử nào của Phật giáo khùng khiếp bởi ánh sáng của ngọn lửa của tòa án dị giáo, hay bị làm đen bởi làn khói đốt cháy dị giáo hay các thị tứ dân gian, hay bị nhuộm đỏ với máu của các nạn nhân vô tội vì hận thù tôn giáo. Phật giáo chỉ dùng một thanh gươm, đó là gươm Trí tuệ và chỉ biết một kẻ thù, đó là Vô minh. Đó là chứng tích của lịch sử không thể chối cãi được.*

[Not a single page of Buddhist history has ever been lurid with the light of inquisitorial fires, or darkened with the smoke of heretic or heathen cities ablaze, or red with blood of the guiltless victims of religious hatred. Buddhism wields only one sword, the sword of wisdom, and recognises only one enemy = ignorance. This is the testimony of history, and is not to be gain- said.]

**Phật Giáo thực sự là làn gió xuân thổi từ đầu này tới đầu kia của căn vườn Á Châu và làm nở ra, không những chỉ những bông sen ở Ấn Độ, mà còn làm nở những hoa hồng ở Ba Tư, hoa đèn đài ở Tích Lan, the zebina of Tibet, hoa cúc ở Trung Hoa, hoa anh đào ở Nhật Bản v..v.. Toàn bộ văn hóa Á Châu là văn hóa Phật Giáo. Không có nơi nào ngoài Đông Phương mà tư tưởng Phật Giáo lại có thể thống nhất. Mỗi quốc gia đều có cách riêng để chấp nhận tư tưởng Phật Giáo theo nhu cầu địa phương, nhưng khi khối Đông phương phải đối đầu với Tây phương thì tư tưởng Phật Giáo là lực nối kết những quốc gia này lại với nhau.*

Ở đây chúng ta cần nhấn mạnh sự kiện là, nếu lịch sử Phật Giáo có cho thế giới bài học nào, thì đó là trong sự truyền bá đạo Phật từ thung lũng sông Hằng đến những núi đá quý ở miền Nam Tích Lan, cho tới miền cao nguyên Trung Á ở phía Bắc, rồi tới các hải đảo nắng ấm Nhật Bản ở phía Đông, Phật Giáo, văn hóa, văn minh, và giáo dục là những bạn đồng hành không thể tách rời nhau được.

(Buddhism was, in fact a spring wind blowing from one end of the garden of Asia to the other and causing the bloom not only the lotus of India, but the rose of Persia, the temple flower of Ceylon, the zebina of Tibet, the chrysanthemum of China and the cherry blossom of Japan – Asian culture is as a whole, Buddhist culture. It is Buddhist thought and in no other than India, China and Japan, representing the East, could be a united one. Each nationality has its own characteristic modes of adopting the thought to its environment needs, but when the East as a unity to confront the West, Buddhist thought supplies the bond.

Here it would suffice to emphasize the fact that if the history of Buddhism in Asia has any lesson for the world today, it is that: in their long trek from the burning marl of the Gangetic to the gem encrusted rocks of Ceylon in the South, the wind- swept uplands of Central Asia in the North, and the sun- confronting islands of Japan in the East, Buddhism, culture, civilization and education were inseparable friends and companions)

64. Giáo sư Max Muller, Học giả người Đức [A German Scholar].

Đức Phật là hiện thân của tất cả các đức hạnh mà Ngài thuyết giảng. Trong thành quả của suốt 45 năm dài hoằng pháp, Ngài đã chuyển tất cả những lời nói của Ngài thành hành động; không nơi nào Ngài buông thả cái yếu đuối của con người hay dục vọng thấp hèn. Luân lý, đạo đức căn bản của đức Phật là toàn hảo nhất mà thế giới chưa bao giờ biết đến.

[Buddha was the embodiment of all virtues he preached. During his successful and eventful ministry of 45 years he translated all his words into action; and in no place did he give vent to any human frailty, or any base passion. The Buddha's moral code is the most perfect which the world has ever known.]

65. Abdul Atahiya, một thi nhân Hồi Giáo.

Nếu bạn muốn thấy người cao quý nhất của loài người, bạn hãy nhìn vị Hoàng đế trong y phục một người ăn xin; chính là Ngài đó, siêu phàm thánh tính của Ngài thật vĩ đại giữa con người.

[If you desire to see the most noble of mankind, look at the king in beggar's clothing; it is he whose sanctity is great among men.]

66. Tiến Sĩ S.Radhakrisnan, trong cuốn "*Đức Phật Cô Đàm*" [Gautama The Buddha]

Khi chúng ta đọc những bài thuyết giảng của đức Phật, chúng ta cảm kích bởi tinh thần hợp lý của Ngài. Con đường đạo đức của Ngài ngay trong quan điểm đầu tiên là một quan điểm thuần lý. Ngài cố gắng quét sạch tất cả những màn ghen giăng mắc làm ảnh hưởng đến cái nhìn và định mệnh của nhân loại.

[When we read Buddha's discourses, we are impressed by his spirit of reason. His ethical path has for its first step right views, a rational outlook. He endeavours to brush aside all cobwebs that interfere with mankind's vision of itself and its destiny.]

Sự thanh tịnh của tâm linh và lòng thương yêu tất cả sinh vật đã được dạy dỗ bởi đức Phật. Ngài không nói đến tội lỗi mà chỉ nói đến vô minh và điên cuồng có thể chữa khỏi bởi giác ngộ và lòng thiện cảm.

[Serenity of spirit and love for all sentient creation are enjoined by the Buddha. He does not speak of sin, but only of ignorance and foolishness which could be cured by enlightenment and sympathy.]

Không một lời thô bạo nào được thấy thốt ra từ nơi đức Phật trong cơn tức giận, chưa từng có một lời thô bạo được thấy trên môi đức Phật kể cả trong lúc tình cờ.

[There was never an occasion when the Buddha flamed forth in anger, never an incident when an unkind word escaped his lips.]

67. Moni Bagghee, trong cuốn "Đức Phật Của Chúng Ta" [Our Buddha]

Điều đáng chú ý nhất nơi đức Phật là sự kết hợp gần như độc nhất của một đầu óc khoa học trầm tĩnh và thiện cảm sâu xa của lòng từ tâm. Thế giới ngày nay ngày càng hướng về đức Phật, vì Ngài là người duy nhất tiêu biểu cho lương tâm của nhân loại.

Đức Phật là nhà tiên phong thương yêu nhân loại, và là một triết gia siêu phàm trong nhân phẩm dũng cảm và sáng chói. Ngài có những điều mà chưa ai có thể quên được là Ngài thuyết pháp trong hăng say và nhiệt tình về nguồn kiến thức. Vĩ đại hơn, trí tuệ của Ngài chính là đài gương soi sáng.

[The most striking thing about the Buddha is almost a unique combination of a cool scientific head and profound sympathy of a warm and loving heart. The world today turns more and more towards the Buddha, for he alone represents the conscience of humanity.

The Buddha was a pioneer as a lover of men, and a philosophic genius rolled into a single vigorous and radiant personality. He had things to say that no man or woman, after 2500 years of bustling and hustling and chattering round the fountain of knowledge, can afford to ignore. Greater perhaps than his wisdom was the example he set.]

Phật giáo là một tôn giáo vĩ đại duy nhất của thế giới, một cách ý thức và chân thực tôn giáo này dựa trên căn bản một hệ thống phân tích hợp lý những khó khăn của đời sống và cách thức giải quyết khó khăn ấy.

[Buddhism is the only great religion of the world that is consciously and frankly based on a systematic rational analysis of the problems of life and of the way to its solution.]

68.- Tiến Sĩ Edward Conze, trong cuốn "Phật giáo", "Buddhism"

Đức Phật giống như một lương y. Một bác sĩ phải biết chẩn đoán các loại bệnh tật, nguyên nhân, thuốc giải độc và phương pháp chữa trị, phải biết áp dụng phương thức cho thích hợp, cho nên đức Phật đã dạy Tứ Diệu Đế (Bốn sự thật) chỉ rõ sự hiện hữu của đau khổ (Khổ đế), nguyên nhân của đau khổ (Tập đế), diệt trừ khổ não để được an lạc (Diệt đế) và con đường đưa đến diệt tận khổ đau (Đạo đế).

[The Buddha is like a physician. Just as a doctor must know the diagnosis of the different kinds of illness, their causes, the antidotes and remedies, and must be able to apply them, so also the Buddha has taught the Four Holy Truths which indicate the range of suffering, its origin, its cessation, and the way which lead to its cessation.]

69. Một học giả Hồi Giáo. - A Muslim Scholar

Đức Phật không phải là của riêng người Phật tử, Ngài là của toàn thể nhân loại. Giáo lý của Ngài thông dụng cho tất cả mọi người. Tất cả các tôn giáo khai sáng sau Ngài, đều đã mượn rất nhiều các tư tưởng hay của Ngài.

[The Buddha is not a property of Buddhists only. He is the property of whole mankind. His teaching is common to everybody. Every religion, which came into existence after the Buddha, has borrowed many good ideas from the Buddha.]

70. Giáo sư Lakshimi Narasu, trong cuốn "*Tinh Hoa Của Phật giáo*", "*The Essence of Buddhism*"

Đức Phật là người cha nhìn thấy đàn con đang vui chơi trong ngọn lửa thế tục nguy hiểm, Ngài dùng mọi phương tiện để cứu các con ra khỏi ngôi nhà lửa và hướng dẫn chúng đến nơi an lạc của Niết bàn.

[Buddha is one who sees his children playing in the consuming fire of worldliness and employs different expedients to bring them out of this burning house and lead them to the safe asylum of Nirvana.]

Điểm vinh quang trong Phật giáo là Phật giáo lấy trí tuệ làm yếu tố cốt lõi của sự giải thoát. Trong Phật giáo, đạo đức (Giới) và trí tuệ không thể tách rời nhau. Giới hình thành nền tảng của đời sống cao thượng, tri thức và trí tuệ là những yếu tố kiện toàn nó. Không quán triệt về luật nhân quả và duyên sinh (Pratyasamutpada), thì không thể gọi là đạo đức chơn chánh, người gọi là đạo đức chơn chánh thì phải có được một nội quán và tri thức cần thiết này. Về lãnh vực này đạo Phật khác hẳn với các tôn giáo khác. Các tôn giáo thuộc nhất thần giáo khởi đầu với một số lý thuyết giả định và khi những giả định này mâu thuẫn với sự tiến bộ của tri thức loài người, thì gia tăng thêm phiền muộn. Đạo Phật được thiết lập trên một tảng đá vững chắc của các sự thật, chính vì thế không bao giờ xa rời ánh sáng của tri thức.

[It is a glory of Buddhism that it makes intellectual enlightenment an essential condition of salvation. In Buddhism morality and intellectual enlightenment are inseparable from one another. While morality forms the basis of the higher life, knowledge and wisdom complete it. Without a perfect understanding of the law of causality and transformation (Pratyasamutpada), no one else can even be said to be truly moral if he does not possess the necessary insight and knowledge. In this respect Buddhism differs from all other religions. All montheistic religions start with certain assumption, and when these assumptions are contradicted by the growth of knowledge it increases sorrow. But Buddhism starts with no assumptions. It stands on the firm rock of facts, and can therefore never shun the dry light of knowledge.]

Chỉ nói về Phật giáo thôi, ta có thể xác nhận là tôn giáo này thoát khỏi tất cả cuồng tín. Phật giáo nhằm tạo trong mỗi cá nhân một sự chuyển hóa nội tâm

bằng cách tự chiến thắng lấy mình. Làm sao mà Phật Giáo phải nhờ đến sức mạnh và tiền bạc hay cả đến sự chinh phục để tác động mọi người vào đạo? Đức Phật chỉ rõ một con đường giải thoát duy nhất để cho cá nhân tự quyết định nếu muốn theo tôn giáo này.

[Of Buddha alone can it be affirmed it is free from all fanaticism. It's aim being to produce in every man a thorough internal transforming by self conquest, how can it have a recourse to might or money or even persuasion for effecting conversion? The Buddha has only shown the way to salvation, and it is left to each individual to decide for himself if he would follow it.]

71. Giám mục Milman. - Bishop Milman

Tôi càng ngày càng cảm thấy đức Thích Ca Mâu Ni gần gũi nhất trong tính cách và ảnh hưởng của Ngài, Ngài là Con Đường, là Chân lý và là Sự sống.

[I feel more and more that Sakyamuni is the nearest in character and effect to Him who is the Way, the Truth, and The Life.]

72. Một Văn Hào Âu Châu. - A European Writer

Đây là giáo lý mà chúng ta có thể tin theo. Không nơi nào trong thế giới tôn giáo, sùng bái và tín ngưỡng mà chúng ta có thể tìm một vị giáo chủ chói sáng như thế! Trong hàng loạt các vì sao, Ngài là vì tinh tú khổng lồ, vĩ đại nhất. Một số các khoa học gia, triết gia, các nhà văn hóa đã tuyên bố về Ngài "Con Người Vĩ Đại Nhất Chưa Từng Có". Ánh hào quang của vị Thầy vĩ đại này soi sáng cái thế giới đau khổ và tối tăm, giống như ngọn hải đăng hướng dẫn và soi sáng nhân loại.

[Here is a teaching we can follow with confidence. Where in the world of religions, cults and creeds, can we find a master of such brilliance? In a pageant of stars he was a giant of the greatest magnitude. Little wonder that scientists, philosophers, and men of literature have proclaimed Him "the Greatest man ever born". The radiance of this great teacher goes through a world of suffering and darkness, like a beacon light to guide and illuminate mankind.]

73. E. A. Burtt, trong cuốn "Đức Phật Từ Bi"(The Compassionate Buddha)

Lịch thiệp, thanh tịnh, từ bi, xuyên qua sự giải thoát khỏi lòng ích kỷ tham dục, đó là giáo lý căn bản của tôn giáo vĩ đại Á đông của đạo Phật.

[Gentleness, serenity, compassion, through liberation from selfish- craving - are the fundamental teachings of the great Oriental religion of Buddhism.]

74. Phra Khantipalo, trong cuốn "Độ lượng", (Tolerance)

Giáo pháp của đức Phật giống như một cây cầu được xây toàn hảo bằng thép linh động, gió và nước không làm hư được, tự nó thích ứng phù hợp trong mọi

trạng huống thay đổi, nhưng đồng thời cũng làm vững chắc thêm cầu và mở con đường an lạc vĩnh cửu, đến Niết bàn.

[Buddha Dharma is like a bridge well built of flexible steel, it gives a little to wind and water, it adapts itself to changing circumstances, but at the same time it has secured foundations and offers a safe way to the Deathless, to Nirvana.]

Hầu hết các tân tín đồ của các giáo phái khác bị kiểm soát bởi các Trưởng giáo của họ và bị cấm không được đọc các thánh kinh, chủ nghĩa, tạp chí, các loại sách bỏ túi hay học thuyết của tôn giáo khác. Việc này rất hiếm thấy trong Phật giáo.

[Most meophytes of some other religions are controlled by their Guru and are forbidden to read the scriptures, doctrines, magazines, booklets and tracts of other religions. This very rarely happens within Buddhism.]

75. Charles T. Gorham.

Chắc chắn từ miền Đông Phương huyền bí, nơi đất mẹ màu mỡ của tôn giáo, cho chúng ta sự khám phá trung thực nơi Phật giáo từ khi tôn giáo này cho chúng ta biết nền đạo đức huy hoàng và sự thanh khiết tiềm ẩn sâu xa trong bản tính tự nhiên của con người không cần đến một thần linh nào khác mà bản tính này vốn tiềm ẩn trong tâm của con người và thức tỉnh họ biến thành cuộc sống vinh quang.

[Surely the mysteriously East, that fertile mother of religions, has given us in Buddhism a true revelation, since it makes known to us the moral beauty and purity that lies in the deep of human nature needing no other divinity than that which abides in the human heart to awake them into living glory.]

76. Hazrat Inayat Khan, Học giả Hồi Giáo, trong cuốn "*Thông Điệp Sufi*"(The Sufi Message)

Sứ mạng của đức Phật quả là độc đáo riêng biệt, vì thế cho nên sứ mạng này đứng biệt lập khác hẳn các tôn giáo khác trên thế giới. Sứ mạng của Ngài là mang lý tưởng của những con chim đang bay trong không trung về gần với trái đất, bởi lẽ thực phẩm để nuôi sống chúng thuộc về trái đất.

[The mission of the Buddha was quite unique in it's character, and therefore it stands quite apart from the many other religions of the world. His mission was to bring the birds of idealism flying in the air nearer to the earth, because the food for their bodies belonged to the earth.]

77. Francis Story, trong cuốn "*Phật giáo, Một Tôn Giáo Thế Giới*",(Buddhism as World Religion)

Lý thuyết của Phật pháp vẫn đứng vững ngày nay không bị ảnh hưởng bởi tiến trình của thời gian và sự tăng trưởng kiến thức, vẫn giữ nguyên như lúc ban đầu bày tỏ. Dù cho kiến thức khoa học tăng tiến đến thế nào trên chân trời trí óc của

con người, trong phạm vi Giáo pháp (Dhamma) cũng vẫn có chỗ để thừa nhận và đồng hóa các khám phá xa hơn nữa. Về phương diện thu hút của lý thuyết này không dựa vào các khái niệm giới hạn của các tư tưởng sơ khai, về phương diện khả năng cũng không bị lệ thuộc vào những phủ định của tư tưởng.

[The doctrines of Buddha Dhamma stand today, as unaffected by the march of time and the expansion of knowledge as when they were first enunciated. No matter to what lengths increase scientific knowledge can extend man's mental horizon, within the frame work of the Dhamma there is room for the acceptance and assimilation of the further discovery. It does not rely for its appeal upon limited concepts of primitive minds not for its power upon the negation of thought.]

78. Giám Mục Gore, trong cuốn "*Đức Phật và Chúa Christ*" (Buddha and the Christ.)

Phật giáo như chúng ta đang thấy, những gì đã được ghi chép sưu tập lại rất là thực tế, không phải là một hệ thống giả thuyết của thời đại sơ khai, về phương diện này Phật giáo dám thách thức với các tôn giáo khác.

[It is Buddhism as we find it actually recorded, not hypothetical primitive system, which still forms a challenge to other religions.]

79. Anagarika Dharmapala, trong cuốn "*Cái Nợ Của Thế Giới Đối Với Đức Phật*". (The World debt to Buddha)

25 thế kỷ qua, Ấn Độ mục kích một cuộc cách mạng về tri thức và về tôn giáo lên đến cao độ đã lật đổ chủ nghĩa độc thần, giới giáo sĩ vị kỷ, và thiết lập một tôn giáo tổng hợp, một hệ thống ánh sáng và tư tưởng được gọi là Giáo pháp (Dhamma), một Triết học Tôn giáo.

[Twenty- five centuries ago India witnessed an intellectual and religious revolution which culminated in the overthrow of monotheism, priestly selfishness, and the establishment of a synthetic religion, a system of light and thought which was appropriately called Dhamma, a Philosophical Religion.]

80. Một Văn Hào Tây Phương.- A Western writer

Phật giáo là một phương thức làm sao để đạt được lợi lạc cao nhất từ cuộc sống. Phật giáo là một tôn giáo của trí tuệ mà ở đây kiến thức và thông minh chiếm ưu thế. Đức Phật không thuyết giảng để thu nạp tín đồ mà là để soi sáng người nghe.

[Buddhism is a plan for living in such a way as to derive highest benefit from life. It is a religion of wisdom where knowledge and intelligence predominate. The Buddha did not preach to win converts but to enlighten listeners.]

81. Giáo Sĩ Joseph Wain- Rev. Joseph Wain

Phật giáo dạy đời sống không bằng luật lệ mà bằng nguyên lý một đời sống cao đẹp; và chính vì thế Phật giáo là một tôn giáo khoan dung, một hệ thống nhân từ nhất dưới ánh mặt trời.

[Buddhism taught a life not by rule, but by principle, a life of beauty; and as a consequence, it was a religion of tolerance. It was the most charitable system under the sun.]

82. Tiên sĩ G. P. Malasekara.

Phật giáo chưa bao giờ ép ai theo dù dưới hình thức nào - hoặc ép buộc ý tưởng và niềm tin đối với người không thích, hoặc bằng bất cứ một sự tâng bốc nào, bằng lừa gạt hay ve vãn, hầu đoạt được thắng lợi để gia nhập vào quan điểm riêng tư của mình. Những nhà truyền giáo của đạo Phật không bao giờ thi đua để cải đạo con người vào nơi họp chợ (Đạo).

[It was never, however, the buddhist way to proselytise in the sense of forcing ideas and beliefs upon an unwilling audience, much less to exert pressure of any kind, or any kind of flattery, deceit or cajolery, to win adherence to one's own point of view. Buddhist missionaries have never competed for converts in the marketplace.]

83. Tiên Sĩ K.N.Jayatilleke, trong cuốn "Phật giáo và Hòa Bình"

Đây, việc cần thiết là lưu ý đến một đặc tính duy nhất của đạo Phật nghĩa là, Phật giáo là một tôn giáo duy nhất, bậc thầy của tôn giáo, mà kết quả là một triết lý thích hợp nói cho chúng ta biết về những sự kiện tối hậu của hiện hữu và hiện thật. Đạo Phật là con đường của sự sống xuất phát từ việc chấp nhận quan điểm của đời sống và xem sự sống là hiện thật. Triết lý của đức Phật không phải là không kể đến bản chất của kiến thức.

[Here it is necessary to draw attention to another unique feature of the religion of the buddha, namely, that it is the only religion of any religious teacher, which is the outcome of a consistent philosophy, which claims to tell us about the ultimate facts of existence and reality. The religion of the Buddha is a way of life resulting from the acceptance of a view of life, which is said to be factual. His philosophy is not without an account of the nature of knowledge.]

84. Gertrude Garatt

Không thể cho rằng ngày nay Phật giáo bị suy yếu, vì Phật giáo bắt nguồn trên những nguyên tắc cố định chưa bao giờ bị sửa đổi.

[It will not be possible even today to Buddhism that it is worn out because it is rooted upon certain fixed principles that can never be altered.]

85. Giáo Sư Ananda Kaushalyayana

Những tín đồ khiêm tốn của đức Phật may mắn biết là nương nào, họ đã không thừa hưởng lối nguy biện của sự không sai lầm ở bất cứ một cuốn sách nào ngay từ lúc bắt đầu.

[How fortunate are the humble followers of the Buddha who have not inherited the fallacy of infallibility of any revealed book from the very beginning.]

86. D. Valisinha, Tổng Thư Ký, Hội Maha Bodhi, "Con đường sống của người Phật tử", "*Buddhist way of life*"

Tôn giáo của sự sống được phán xét không phải chỉ thuần bằng những sự thật được tuyên cáo nhưng cũng chính bằng sự thay đổi mà tôn giáo này đã đem lại cho cuộc sống của tín đồ. Cho đến nay, theo kinh nghiệm, Phật giáo có một kỷ lục về thành tựu mà chúng ta có thể lấy đó là một niềm hãnh diện thật sự.

[A religion or a way of life is judged not merely by the truths it proclaims but also by the change that it brings about in the life of its followers. So far this test is concerned Buddhism has a record of achievements in which we can take a genuine pride.]

88. Anatole France, Văn hào Pháp

Dường như người thanh niên bất diệt, hiền lành, ngồi khoanh chân trên hoa sen thanh tịnh với bàn tay phải dơ lên như khuyên nhủ như trả lời: "Nếu con muốn thoát khỏi sự đau khổ và sợ hãi, con hãy luyện tập trí tuệ và từ bi".

[It seemed that the kindly aesthetic, eternally young, seated cross-legged on the lotus of purity with his right hand raised in admonition, answered in these two words: "If you wish to escape from suffering from fear, practise wisdom and compassion."]

89. Giáo Sư Eliot, trong cuốn "*Phật giáo và Ấn Độ giáo*" (Buddhism and Hinduism)

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, đức Phật tuyên bố sự giải thoát, mỗi con người có thể đạt được do chính bản thân mình trong đời sống của mình trên thế giới mà không cần đến sự giúp đỡ của Thượng đế hay thánh thần nào. Ngài nhấn mạnh về giáo lý như lòng tự tin, thanh tịnh, nhã nhặn, giác ngộ, an lạc và lòng thương yêu nhân loại. Ngài cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết của kiến thức, vì không có trí tuệ thì siêu linh nội tâm không xâm nhập trong đời sống của Ngài được.

[For the first time in the history of the world, Buddha proclaimed a salvation, which each man could gain for himself and by himself in this world during this life, without the least help from the personal GOD or Gods. He strongly inculcated the doctrine of self reliance, of purity, of courtesy, of enlightenment, of peace and of universal love. He strongly urged necessity of knowledge, for without wisdom psychic insight could not be got in his life.]

90. Tiến Sĩ Oldenburg, Một học giả Đức.

Đức Phật không giải thoát con người, nhưng Ngài dạy con người phải tự chính mình giải thoát lấy mình, như chính Ngài đã tự giải thoát lấy Ngài. Con người chấp nhận giáo lý của Ngài là chân lý, không phải giáo lý này đến từ nơi Ngài, nhưng vì lòng xác tín cá nhân, thức tỉnh bởi những lời Ngài dạy, trỗi dậy bởi ánh sáng trí tuệ của chính mình.

[It is not the Buddha who delivers men, but he teaches them to deliver themselves, even as he has delivered himself. They accept his teaching of the truth, not because it comes from him, but, because of personal conviction, aroused by his words, arises by the light of their own spirit.]

91. George Grimm, trong cuốn "*Giáo Lý của đức Phật*" (The Doctrine of the Buddha)

Đức Phật không chỉ nhận thức được sự thực tối cao, Ngài cũng có biểu lộ kiến thức cao cả của Ngài, kiến thức cao hơn tất cả kiến thức của các "Thần linh và Người". Kiến thức của Ngài rất rõ ràng và độc lập không liên can gì đến thần thoại và hoang đường. Tuy nhiên, nơi đây lại còn cho thấy một hình thức vững vàng, tự nó biểu lộ được một cách rõ ràng và hiển nhiên để cho con người có thể theo Ngài. Vì lý do đó, đức Phật không đòi hỏi phải tin nhưng hứa hẹn kiến thức.

[The Buddha has not merely awakened to the supreme reality, he also presents his higher knowledge that is superior to that of "all gods logical disguise and mythical clothing. Here, however, it is given in so cogent a form that it presents itself as positively and self evident to the person to is avble to follow him. For this reason the Buddha does not demand any belief, but promises knowledge.]

92. John Walters, trong cuốn "*Tinh thần không bị giao động*" (Mind Unshaken)

Quan niệm về tội lỗi của Phật giáo khác hẳn với người Cơ đốc giáo. Với tín đồ Phật giáo, tội lỗi chỉ là vô minh hay ngu si. Một người hung ác là một người ngu si. Kẻ phạm tội không cần đến trừng phạt mà cần được giáo hóa nhiều. Người đó không phải bị coi là "Vi phạm mạng lệnh của Thượng đế" hay như một kẻ phải cầu xin lòng lân mẫn, tha thứ của Thượng đế. Tốt hơn và cần thiết hơn cho người bạn phạm tội kia biết lẽ phải của con người. Người Phật tử không tin là người phạm tội có thể thoát được hậu quả bởi tội lỗi gây ra bằng cách van vái cầu nguyện với Thượng Đế.

[Its idea of sin differs somewhat from the Christian idea. Sin to the Buddhist is mere ignorance or stupidity. The wicked man is an ignorant man. He doesn't need much punishment and condemnation so much as he needs instruction. He is not regarded as "violating God's commands" or as one who must beg for divine mercy and forgiveness. Rather it is necessary for the sinner's friends to make him reason in the human way. The Buddhist does not believe the sinner can escape the consequences in prayerful attempts to bargain with God.]

93. Giáo sư Karl Pearson

Không có những thú vui nhục dục, cuộc sống có thể chịu đựng được không? Không tin tưởng vào bất tử, con người có thể có đạo đức không? Không sùng bái một thần linh con người có thể tiến tới điều chánh đáng không? Được, đức Phật trả lời, cứu cánh có thể đạt được bởi kiến thức; một mình kiến thức là chìa khóa để tiến tới con đường cao đẹp hơn, con đường mà trong đời sống đáng theo đuổi; kiến thức đem lại an tĩnh và hòa bình cho đời sống giúp cho con người không xao xuyến đối với những cơn bão tố của thế giới đầy biến động.

[Without senuous pleasure would life be endurable? Without belief in immorality can man be moral? Without worship of a God can man advance towards righteousness? Yes, replies the Buddha, these ends can be attained by knowledge; knowledge alone the key to higher path, the one worth pursuing in life; knowledge is that which brings calmness and peace to life, which rendered man indifferent to the storms of phenomenal world.]

94. Blaise Pascal, Nhà toán học, Vật lý học và triết gia Pháp.

Con người vĩ đại hơn sức mạnh mù quáng của thiên nhiên vì lẽ cả đến khi nghĩ rằng con người bị hủy diệt bởi những sức mạnh ấy, con người vẫn giữ được cao cả hơn bằng sự hiểu biết các sức mạnh ấy. Lại nữa, Phật giáo mang sự thật xa hơn nữa: Phật giáo cho thấy bằng phương thức hiểu biết, con người cũng có thể kiểm soát được mọi trạng huống của mình. Con người có thể ngưng, thoát khỏi bị nghiền nát bởi sức mạnh thiên nhiên và sử dụng những luật của sức mạnh thiên nhiên để tự mình đứng lên chống đỡ.

[Man is greater than the blind forces of nature because even though he is crushed by them he remains superior by virtue of his understanding of them. Again., Buddhism carries the truth further: it shows that by means of understanding man can also control his circumstances. He can cease to be crushed by them, and use their laws to raise himself.]

95. Giáo sư Von Glasenapp, Một học giả Đức.

Cũng có thể nói rằng Ấn độ đã khám phá ra vô thức sớm hơn những nhà tâm lý học Tây phương. Theo họ, vô thức gồm có tất cả những cảm tưởng nằm trong cá nhân được di sản từ kiếp trước. Kỹ thuật thiền định Phật giáo chú trọng đến sức mạnh tiềm ẩn, là sự khai phóng đầu tiên của tâm lý phân tích học hiện đại, cũng như của sự huấn luyện tinh thần tự sinh v.v...

[It can also be said that India discovered the unconsciousness earlier than the Western psychologists. For them the unconscious consists in the totality of the impressions which slumber in the individual as the inheritance from his previous existence. The Buddhist technique of meditation, which is concerned with the latent forces, is thus a fore-runner of modern psycho-analysis, of autogenic mental training etc.]

96. Bandaranaike, Nguyên Thủ Tướng SriLanka, Former Prime Minister of SriLanka

Phật giáo sẽ trường tồn như mặt trời, mặt trăng và loài người hiện hữu trên mặt đất; do đó, Phật giáo là tôn giáo của con người, của nhân loại cũng như của tất cả.

[Buddhism will last as long as the sun and moon last and the human race exists upon the earth, for it is the religion of man, of humanity as a whole.]

97. Học giả Dudley Wright

Ngày nay chúng ta nghe nói nhiều về năng lực của ý, nhưng Phật Giáo là hệ thống điều tâm đầy đủ và hữu hiệu nhất chưa từng có trên thế giới.

[We hear much nowadays of thought- power, but Buddhism is the most complete and effective system of mind- training yet placed before the world.]

98. Manmatha Nath Sastri

Đức Phật đã tạo nên một giới người mới, giới của những anh hùng đạo đức, một giới của những người tự mình đi tìm sự giải thoát, một giới của các vị Phật.

[The Buddha created a new race of men, a race of moral heroes, a race of salvation-workers, a race of Buddhas.]

99. Geoffrey Mortimer, một văn sĩ Tây phương, a writer in the West.

Quay về Phật Giáo, chúng ta sẽ đọc thấy rằng Vua Asoka không những chỉ rao giảng một đạo đức cao thượng mà còn dùng quyền năng của một Quân Vương trong cách cư xử làm cho những chủ quyền hiện đại của các niềm tin khác phải cảm thấy hổ thẹn.

[Turn to Buddhism, and you will read that Asoka not only preached a lofty morality but exercised the power of kingship in manner that shames our modern sovereigns of other faiths.]

100. The Great Khan Mongka

Phật Giáo giống như lòng bàn tay, các tôn giáo khác như các ngón tay.

[Buddhism is like the palm of the hand, the other religions being the fingers]

- HẾT -